



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 59 + 60

Ngày 01 tháng 11 năm 2014

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 06-10-2014 - Quyết định số 4912/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính được bãi bỏ trong lĩnh vực thể dục thể thao thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh. 3
- 08-10-2014 - Quyết định số 4963/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 124
- 08-10-2014 - Quyết định số 4964/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch truyền thông cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính năm 2014 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 139

Trang

15-10-2014 - Quyết định số 5070/QĐ-UBND phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

146

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4912/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính được bãi bỏ trong lĩnh vực thể dục thể thao thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 4788/TTr-SVHTTDL ngày 16 tháng 9 năm 2014 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 4507/STP-KSTT ngày 21 tháng 8 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 22 thủ tục hành chính mới ban hành

và bãi bỏ 12 thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục thể thao thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Tư pháp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4912/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định thủ tục hành chính mới
I.	Lĩnh vực Thể dục Thể thao	
1.	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	<p>+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.</p> <p>+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.</p>

		<p>+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.</p>
2.	<p>Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao</p>	<p>+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.</p> <p>+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.</p> <p>+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.</p>
3.	<p>Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động billards & snooker</p>	<p>+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.</p> <p>+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết</p>

		<p>và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.</p> <p>+ Thông tư số 15/2010/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động billiards & snooker. Có hiệu lực thi hành từ ngày 14/02/2011.</p> <p>+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.</p>
4.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thể hình	<p>+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.</p> <p>+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao</p>

		<p>hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.</p> <p>+ Thông tư số 16/2010/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động thể dục thể hình. Có hiệu lực thi hành từ ngày 14/02/2011.</p> <p>+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.</p>
5.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động mô tô nước trên biển	<p>+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.</p> <p>+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.</p>

		<p>+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.</p> <p>+ Thông tư số 17/2010/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động mô tô nước trên biển. Có hiệu lực thi hành từ ngày 14/02/2011.</p> <p>+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.</p>
<p>6.</p>	<p>Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động võ đạo giải trí</p>	<p>+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.</p> <p>+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực</p>

		<p>hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.</p> <p>+ Thông tư số 01/2011/TT-BVHTTDL ngày 06/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động võ đạo giải trí. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/02/2011.</p> <p>+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.</p>
7.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động bơi, lặn	<p>+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.</p> <p>+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.</p>

		<p>+ Thông tư số 02/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động bơi, lặn. Có hiệu lực thi hành từ ngày 24/02/2011.</p> <p>+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.</p>
<p>8.</p>	<p>Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động khiêu vũ thể thao</p>	<p>+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.</p> <p>+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.</p> <p>+ Thông tư số 03/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức</p>

		<p>hoạt động khiêu vũ thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 19/03/2011.</p> <p>+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.</p>
9.	<p>Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động môn võ cổ truyền và vovinam</p>	<p>+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.</p> <p>+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.</p> <p>+ Thông tư số 14/2011/TT-BVHTTDL ngày 09/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động môn Võ cổ truyền và Vovinam. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2011.</p> <p>+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể</p>

		<p>thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.</p>
10.	<p>Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động quần vợt</p>	<p>+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.</p> <p>+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.</p> <p>+ Thông tư số 15/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động quần vợt. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2012.</p> <p>+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.</p>

11.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thẩm mỹ	<p>+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.</p> <p>+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.</p> <p>+ Thông tư số 16/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động thể dục thẩm mỹ. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2012.</p> <p>+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27/12/2012.</p>
12.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và điều bay động cơ	<p>+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.</p> <p>+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết</p>

		<p>và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.</p> <p>+ Thông tư số 19/2011/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và điều bay động cơ. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/01/2012.</p> <p>+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.</p>
<p>13.</p>	<p>Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động quyền anh</p>	<p>+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.</p> <p>+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.</p>

		<p>+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.</p> <p>+ Thông tư số 20/2011/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức tập luyện quyền anh. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25/01/2012.</p> <p>+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.</p>
14.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Taekwondo	<p>+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.</p> <p>+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số</p>

		<p>điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.</p> <p>+ Thông tư số 21/2011/TT-BVHTTDL ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Taekwondo. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15/02/2012.</p> <p>+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.</p>
<p>15.</p>	<p>Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng</p>	<p>+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.</p> <p>+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa,</p>

		<p>Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.</p> <p>+ Thông tư số 10/2012/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng. Có hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2013.</p> <p>+ Quyết định số 844/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 28/02/2013.</p>
16.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Judo	<p>+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.</p> <p>+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực</p>

		<p>hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.</p> <p>+ Thông tư số 11/2012/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Judo. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15/01/2013.</p> <p>+ Quyết định số 844/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 28/02/2013.</p>
<p>17.</p>	<p>Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng đá</p>	<p>+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.</p> <p>+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của</p>

		<p>Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.</p> <p>+ Thông tư số 12/2012/TT-BVHTTDL ngày 10 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Bóng đá. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25/01/2013.</p> <p>+ Quyết định số 844/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 28/02/2013.</p>
18.	<p>Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng bàn</p>	<p>+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.</p> <p>+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.</p> <p>+ Thông tư số 13/2012/TT-BVHTTDL</p>

		<p>ngày 10 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Bóng bàn. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25/01/2013.</p> <p>+ Quyết định số 844/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 28/02/2013.</p>
<p>19.</p>	<p>Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Cầu lông</p>	<p>+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.</p> <p>+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.</p> <p>+ Thông tư số 14/2012/TT-BVHTTDL ngày 10 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ</p>

		<p>chức hoạt động Cầu lông. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25/01/2013.</p> <p>+ Quyết định số 844/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 28/02/2013.</p>
20.	<p>Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Patin</p>	<p>+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.</p> <p>+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.</p> <p>+ Thông tư số 16/2012/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Patin. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/02/2013.</p> <p>+ Quyết định số 844/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ</p>

		Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 28/02/2013.
21.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Karatedo	<p>+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.</p> <p>+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.</p> <p>+ Thông tư số 09/2013/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Karatedo. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/02/2014.</p>
22.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bắn súng thể thao	<p>+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.</p> <p>+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết</p>

		<p>và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục Thể thao hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.</p> <p>+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.</p> <p>+ Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BVHTTDL-BCA ngày 18/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Công an quy định trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí thể thao trong tập luyện và thi đấu thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 10/12/2013.</p> <p>+ Thông tư số 06/2014/TT-BVHTTDL ngày 04/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Bắn súng thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 30/8/2010.</p>
--	--	--

2. Danh mục Thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ:

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định về việc hủy bỏ, bãi bỏ TTHC
I.	Lĩnh vực thể thao thành tích cao		

1	032410	Thủ tục quyết định Tổ chức thi đấu các giải cấp Thành phố có sử dụng kinh phí nhà nước.	<p>+ Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính. Có hiệu lực thi hành từ ngày 14/10/2010.</p> <p>+ Nghị định 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2013.</p> <p>+ Quyết định số 21/QĐ-UBND-ĐA30 ngày 20/4/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thông qua phương án Đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn Thành phố.</p> <p>+ Công văn số 34/VP-ĐA30 ngày 19 tháng 5 năm 2010 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố về việc hướng dẫn thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính (giai đoạn III) trên địa bàn Thành phố.</p>
2	032458	Thủ tục quyết định Đăng cai tổ chức thi đấu giải cấp toàn quốc có sử dụng kinh phí nhà nước.	
3	032474	Thủ tục quyết định Tổ chức thi đấu quốc tế tại Thành phố có sử dụng kinh phí nhà nước.	
4	036497	Thủ tục quyết định Tổ chức thi đấu giải cấp Thành phố không sử dụng kinh phí nhà nước.	
5	036502	Thủ tục quyết định tổ chức thi đấu giải cấp quốc gia không sử dụng kinh phí nhà nước.	
6	036509	Thủ tục quyết định tổ chức thi đấu giải cấp quốc tế không sử dụng kinh phí nhà nước.	
7	036518	Thủ tục quyết định Tổ chức Lễ hội, hội nghị thể thao mang tính quốc tế, giải cấp quốc gia có liên quan đến các tỉnh bạn không sử dụng kinh phí nhà nước.	
8	036522	Thủ tục quyết định Cử đi tập huấn chuẩn bị tham dự giải toàn quốc có sử dụng kinh phí nhà nước.	
9	036527	Thủ tục quyết định Cử đội đi thi đấu giải toàn quốc có sử dụng kinh phí nhà nước.	
10	036529	Thủ tục quyết định Cử đội đi thi đấu trong nước không sử dụng kinh phí nhà nước.	

11	036530	Thủ tục quyết định Cử đoàn Thể dục Thể thao đi tập huấn và thi đấu ngoài nước của Ủy ban nhân dân Thành phố	
12	036532	Thủ tục Cử đoàn Thể dục Thể thao đi tập huấn và thi đấu ngoài nước theo quyết định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phần II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Lĩnh vực thể dục thể thao:

1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp

- Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đến Tổ Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1.

❖ Bước 2:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, Tổ tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, làm biên nhận có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp; Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại theo quy định thủ tục.

+ Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

❖ Bước 3: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp (Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia) và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao.

Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

❖ Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận.

❖ Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

+ Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ bảy)

+ Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ sáu)

- **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

▪ Đội ngũ cán bộ, nhân viên thể thao đáp ứng yêu cầu của hoạt động thể thao chuyên nghiệp.

▪ Vận động viên chuyên nghiệp, huấn luyện viên chuyên nghiệp.

▪ Cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp với hoạt động thể thao chuyên nghiệp.

▪ Nguồn tài chính bảo đảm cho hoạt động của câu lạc bộ.

+ *Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).*

- **Thời hạn giải quyết:** 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Sở Y tế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối

- **Phí, lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1) Huấn luyện viên thể thao chuyên nghiệp là người được chứng nhận chuyên môn về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên hoặc có chứng chỉ chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.

(2) Bác sĩ, nhân viên y tế có chứng chỉ về y học thể thao do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.

+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.

+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.

+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.

+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.

2. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao

- Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đến Tổ Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1.

❖ Bước 2:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, Tổ tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, làm biên nhận có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp; Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại theo quy định thủ tục.

+ Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

❖ Bước 3: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp (Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia) và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao.

Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

❖ Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận.

❖ Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

+ Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ bảy)

+ Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ sáu)

- **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

- Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;
- Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

+ *Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).*

- **Thời hạn giải quyết:** 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Sở Y tế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không có.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.

+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.

+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.

+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn

hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.

+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.

3. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động billards & snooker

- Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đến Tổ Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1.

❖ Bước 2:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, Tổ tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, làm biên nhận có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp; Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại theo quy định thủ tục.

+ Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

❖ Bước 3: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp (Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia) và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao.

Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

❖ Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận.

❖ Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

+ Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ bảy)

+ Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ sáu)

- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

- Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;
- Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- **Thời gian giải quyết:** 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Sở Y tế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1). Về cơ sở vật chất:

a) Khu vực đặt bàn phải được bố trí trong khuôn viên có mái che.

b) Mỗi bàn được đặt có khoảng cách tối thiểu tính từ thành bàn tới tường là 1,5m. Trong trường hợp có từ 02 bàn trở lên, khoảng cách các bàn với nhau tối thiểu là 1,2m.

c) Ánh sáng: Độ sáng tới các điểm trên mặt bàn và thành băng tối thiểu từ 300Lux.

d) Đèn chiếu sáng: Trường hợp đèn được thiết kế cho mỗi bàn thì độ cao của đèn tính từ mặt bàn trở lên ít nhất là 1m.

đ) Phải có phòng vệ sinh, tủ thuốc sơ cấp cứu phục vụ cho người đến tập luyện; bảng nội quy quy định giờ sinh hoạt tập luyện, không được tổ chức đánh bạc dưới mọi hình thức, không hút thuốc, uống rượu bia.

e) Nơi hoạt động phải thoáng mát, nếu trang bị máy lạnh thì cửa ra vào không được sử dụng kính màu hoặc che chắn, bảo đảm nhìn thấy được toàn bộ bên trong phòng.

(2). Về dụng cụ, trang thiết bị:

a) Bàn: Bao gồm các loại bàn snooker, bàn carom, bàn pool dựa trên các tiêu chuẩn chung của quốc tế về từng loại bàn. Cụ thể:

▪ Bàn snooker: Kích thước lòng bàn 3,569 m - 1,778 m +/- 13 mm. Chiều cao tính từ mặt sàn tới mặt băng 85 - 88 mm.

▪ Bàn pool: Kích thước lòng bàn 2,54 m - 1,27 m +/- 3 mm. Chiều cao tính từ mặt sàn tới mặt băng 74 mm - 79 mm.

▪ Bàn carom: Kích thước lòng bàn lớn 2,84 m - 1,42 m +/- 5 mm, kích thước lòng bàn nhỏ 2,54 m - 1,27 m +/- 5 mm. Chiều cao tính từ mặt sàn tới mặt băng 75 mm - 80 mm.

b) Vải bàn: Các loại bàn phải được trải các tấm vải theo đúng chủng loại.

c) Bi: Bi sử dụng dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế theo chủng loại bàn.

d) Các trang thiết bị khác: Cơ sở kinh doanh cung cấp các loại cơ, cầu nối, lơ, giá đỡ cơ, bảng ghi điểm.

(3). Về cán bộ, nhân viên chuyên môn:

Doanh nghiệp có hướng dẫn tập luyện hoặc đào tạo vận động viên phải có:

a) Huấn luyện viên thể thao có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên hoặc có chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.

b) Bác sĩ hoặc nhân viên y tế có chứng chỉ về y học thể thao do Viện Khoa học thể dục thể thao hoặc cơ sở có chức năng đào tạo chuyên ngành y học thể thao cấp.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.

+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.

+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.

+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.

+ Thông tư số 15/2010/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động billiards & snooker. Có hiệu lực thi hành từ ngày 14/02/2011.

+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.

4. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thể hình

- Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đến Tổ Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1.

❖ Bước 2:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, Tổ tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, làm biên nhận có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp; Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn đề người đến nộp hồ sơ làm lại theo quy định thủ tục.

+ Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

❖ Bước 3: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp (Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia) và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao.

Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

❖ Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận.

❖ Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

+ Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ bảy)

+ Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ sáu)

- **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

- Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;
- Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

+ *Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

- **Thời hạn giải quyết:** 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Sở Y tế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1). Về cơ sở vật chất:

a) Địa điểm tập luyện môn thể dục thể hình phải có mái che, diện tích từ 60m² trở lên; khoảng cách giữa các thiết bị tập luyện thể dục thể hình từ 1 m trở lên;

b) Mặt sàn phải bằng phẳng, không trơn trượt, không biến dạng;

c) Có hệ thống chiếu sáng độ rọi từ 150 lux trở lên;

d) Có hệ thống thông gió đảm bảo thông thoáng;

đ) Có âm thanh, tiếng ồn không vượt quá 90 dBA;

e) Có tủ thuốc sơ cấp cứu, khu vực thay đồ và gửi quần áo, vệ sinh, để xe;

g) Bảng nội quy quy định giờ tập luyện, các quy định bảo đảm an toàn khi tập luyện, không hút thuốc, uống rượu, bia;

h) Đảm bảo thời gian hoạt động, an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ theo quy định.

(2). Về dụng cụ, trang thiết bị:

a) Trang thiết bị tập luyện phải có giấy chứng nhận của cơ quan quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, bảo đảm đáp ứng được yêu cầu tập luyện của người tập, không gây nguy hiểm, không gây các biến đổi không tốt cho sự phát triển của cơ thể người tập.

(3). Về cán bộ, nhân viên chuyên môn:

Doanh nghiệp có hướng dẫn tập luyện hoặc đào tạo vận động viên phải có:

a) Huấn luyện viên thể thao có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên hoặc có chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.

b) Bác sĩ hoặc nhân viên y tế có chứng chỉ về y học thể thao do Viện Khoa học thể dục thể thao hoặc cơ sở có chức năng đào tạo chuyên ngành y học thể thao cấp.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.

+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.

+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.

+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.

+ Thông tư số 16/2010/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động thể dục thể hình. Có hiệu lực thi hành từ ngày 14/02/2011.

+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.

5. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động mô tô nước trên biển:

- Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đến Tổ Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1.

❖ Bước 2:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, Tổ tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, làm biên nhận có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp; Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại theo quy định thủ tục.

+ Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

❖ Bước 3: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp (Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia) và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao.

Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

❖ Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận.

❖ Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

+ Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ bảy)

+ Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ sáu)

- **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

- Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;
- Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

+ *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

- **Thời gian giải quyết**: 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Sở Y tế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối.

- **Phí, lệ phí**: Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**: Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

(1). Về vùng hoạt động mô tô nước

a) Vùng hoạt động mô tô nước là vùng mặt nước được xác định bằng tọa độ trên hải đồ và hệ thống phao tiêu hoặc cờ được định vị phù hợp với quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

b) Vùng hoạt động mô tô nước ven biển phải bảo đảm các điều kiện sau:

- Có độ sâu tối thiểu 2 m, không có đá ngầm, không có rạn san hô;
- Khoảng cách từ mép nước của bờ biển đến giới hạn ngoài của vùng hoạt động tối đa là 650 m, đến giới hạn trong của vùng hoạt động tối thiểu là 60 m.

(2). Về bảng khuyến cáo và bảng nội quy hoạt động

Bảng khuyến cáo và bảng nội quy hoạt động phải đặt ở những vị trí thích hợp, dễ nhận biết. Nội dung chủ yếu của bảng khuyến cáo và bảng nội quy hoạt động gồm:

a) Người tắm biển, người đang thực hiện các công tác trên biển tuyệt đối không được vào vùng có phương tiện hoạt động, hoặc đu bám hệ thống cờ, phao neo giới hạn an toàn (trừ nhân viên đang thừa hành nhiệm vụ và thực hiện công tác cứu nạn trên biển);

b) Người tham gia vào hoạt động thể thao mô tô nước phải mặc áo phao, biết bơi, không mắc các bệnh về tim mạch, huyết áp, hô hấp;

c) Không được uống rượu, bia và sử dụng các chất kích thích khác khi tham gia các hoạt động thể thao mô tô nước;

d) Không được điều khiển các phương tiện ra khỏi vùng hoạt động cho phép đã có cờ, phao neo.

(3). Về bến bãi neo đậu

a) Phù hợp với quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

b) Phải có hệ thống tiếp nhận dầu thải từ các phương tiện khi hoạt động trên biển.

c) Vị trí cửa ra vào của mỗi bến bãi neo đậu phương tiện phải cách nhau ít nhất là 250 m; cửa ra vào bến bãi neo đậu của phương tiện phải có chiều rộng tối thiểu là 6 m.

(4). Về phao neo, cờ

a) Phao neo, cờ có màu sắc tương phản với màu nước và cảnh quan môi trường để dễ quan sát, phù hợp theo Quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam (22TCN 269 - 2000) ban hành theo Quyết định số 4099/2000/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 12 năm 2000 của Bộ Giao thông Vận tải.

b) Chất liệu được sử dụng làm phao neo phải là các chất liệu không gây ô nhiễm môi trường biển.

c) Phao neo, cờ có kích thước như sau:

- Đường kính phao tiêu ít nhất là 30 cm, kích thước cờ từ 30 x 40 cm trở lên;
- Khoảng cách giữa các cờ hoặc phao tiêu không quá 10m.

(5). Về trang thiết bị tập luyện

a) Mô tô nước sử dụng phải có công suất động cơ (tính theo mã lực) hoạt động được trên biển không được gây tiếng ồn làm ảnh hưởng đến khu vực nghỉ dưỡng, viện nghiên cứu, trường học, khu dân cư.

b) Mô tô nước khi đưa vào hoạt động phải có giấy chứng nhận về đăng ký phương tiện nội thủy, giấy chứng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp.

c) Mô tô nước không được thải nước làm mát động cơ có nồng độ dầu vượt quá 05mg/lít (Theo TCVN 5945:2005 - Nước thải công nghiệp - Tiêu chuẩn thải ban hành theo Quyết định số 22/2006/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường); có các thiết bị ngăn ngừa việc rơi vãi xăng, dầu, dầu thải xuống biển.

d) Mô tô nước phải được kiểm tra định kỳ về chất lượng an toàn kỹ thuật, an toàn môi trường theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

(6). Về thông tin liên lạc và an toàn cứu nạn:

a) Thông tin liên lạc: Cơ sở thể thao phải trang bị hệ thống thông tin đảm bảo yêu cầu liên lạc từ Bộ phận Điều hành và cứu hộ đến các vùng hoạt động thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của cơ sở thể thao.

b) An toàn cứu nạn:

▪ Cơ sở thể thao phải có trạm quan sát bảo đảm quan sát được toàn bộ vùng hoạt động thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của cơ sở.

▪ Cơ sở thể thao phải có ca nô cứu hộ, phao cứu sinh (ít nhất là 05 phao), áo phao (ít nhất 02 áo phao/ 01 Mô tô nước).

▪ Người tham gia hoạt động phải mặc áo phao và phải được hướng dẫn sử dụng thành thạo phao cứu sinh. Những người không biết sử dụng hoặc sử dụng không thành thạo mô tô nước phải có huấn luyện viên hoặc hướng dẫn viên đi kèm để điều khiển, hỗ trợ.

▪ Phải bố trí nhân viên y tế thường trực và có phương án khắc phục sự cố, tai nạn xảy ra.

(7). Về cán bộ, nhân viên chuyên môn:

a) Doanh nghiệp có hướng dẫn tập luyện hoặc đào tạo vận động viên phải có:

▪ Huấn luyện viên thể thao có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên hoặc có chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.

▪ Bác sĩ hoặc nhân viên y tế có chứng chỉ về y học thể thao do Viện Khoa học thể dục thể thao hoặc cơ sở có chức năng đào tạo chuyên ngành y học thể thao cấp.

b) Nhân viên cứu hộ phải có giấy chứng nhận về khả năng bơi cứu hộ 400 m trở lên, do Tổng cục Thể dục thể thao hoặc Hiệp hội Thể thao dưới nước Việt Nam cấp hoặc công nhận.

c) Người hướng dẫn tập luyện, nhân viên cứu hộ phải được khám sức khỏe theo quy định trước khi tham gia hoạt động và phải tái khám định kỳ 06 tháng một lần.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.

+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.

+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.

+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.

+ Thông tư số 17/2010/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động mô tô nước trên biển. Có hiệu lực thi hành từ ngày 14/02/2011.

+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.

6. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động võ đạo giải trí

- Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đến Tổ Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1.

❖ Bước 2:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, Tổ tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, làm biên nhận có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp; Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại theo quy định thủ tục.

+ Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

❖ Bước 3: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp (Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia) và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao.

Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

❖ Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận.

❖ Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

+ Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ bảy)

+ Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ sáu)

- **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

- Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;
- Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Sở Y tế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1). Về cơ sở vật chất:

a) Địa điểm tổ chức hoạt động võ đạo giải trí đảm bảo các điều kiện sau:

▪ Địa điểm tập luyện môn võ đạo giải trí phải có mái che, diện tích từ 30 m² trở lên;

▪ Mặt sàn phải bằng phẳng, không trơn trượt, không biến dạng;

▪ Có hệ thống cách âm đảm bảo âm thanh vang ra ngoài địa điểm hoạt động không vượt quá quy định của nhà nước về tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép;

▪ Có hệ thống chiếu sáng đảm bảo độ rọi từ 150 lux trở lên.

b) Phải có phòng vệ sinh, tủ thuốc sơ cấp cứu phục vụ cho người đến tập luyện.

c) Đảm bảo thời gian hoạt động, an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ theo quy định.

(2). Về trang thiết bị:

a) Phải có bố trí trang thiết bị cho người tập, bao gồm: tấm lót khuỷu tay, tấm lót đầu gối, mũ đội đầu.

b) Bảng nội quy quy định giờ sinh hoạt tập luyện, không được tổ chức đánh bạc dưới mọi hình thức, không hút thuốc, uống rượu, bia.

(3). Về cán bộ, nhân viên chuyên môn

a) Doanh nghiệp có hướng dẫn tập luyện hoặc đào tạo vận động viên phải có:

- Huấn luyện viên thể thao có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên hoặc có chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.

- Bác sĩ hoặc nhân viên y tế có chứng chỉ về y học thể thao do Viện Khoa học thể dục thể thao hoặc cơ sở có chức năng đào tạo chuyên ngành y học thể thao cấp.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.

+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.

+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.

+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.

+ Thông tư số 01/2011/TT-BVHTTDL ngày 06/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động võ đạo giải trí. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/02/2011.

+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng

quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.

7. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động bơi, lặn

- Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đến Tổ Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1.

❖ Bước 2:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, Tổ tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, làm biên nhận có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp; Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại theo quy định thủ tục.

+ Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

❖ Bước 3: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp (Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia) và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao.

Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

❖ Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận.

❖ Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

+ Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ bảy)

+ Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ sáu)

- **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

- Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;
- Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ.)

- **Thời gian giải quyết:** 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Sở Y tế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1). Về cơ sở vật chất:

a) Bể bơi:

▪ Kích thước: Bể bơi được xây dựng có kích thước tối thiểu 8 m x 18 m hoặc có diện tích tương đương;

▪ Đáy bể có độ dốc đều, không gập khúc, chênh lệch độ sâu không quá 1m đối với bể bơi có chiều dài trên 25 m hoặc không quá 0,5 m đối với bể bơi có chiều dài đến 25 m;

▪ Thành bể, đáy bể sạch, gạch lát nền không nứt vỡ. Đối với bể nhảy cầu, đáy phải màu trắng.

b) Bục nhảy:

▪ Chỉ được lắp bục xuất phát bơi đối với bể bơi có độ sâu tối thiểu 1,35 m;

▪ Đối với bể nhảy cầu, chiều sâu của bể ít nhất bằng nửa chiều cao tính từ mặt nước đến vị trí đặt bục nhảy.

c) Sàn: Sàn xung quanh bể bơi (kể cả khu vực vệ sinh và tắm tráng) phải phẳng không đọng nước, đảm bảo không trơn trượt.

d) Bồn nhúng chân:

▪ Bồn nhúng chân đặt tại vị trí trước khi người tập xuống bể;
 ▪ Chiều sâu bồn nhúng chân từ 0,15 m - 0,2 m; Lát gạch tráng men và đủ nước, độ trong và độ clo dư tốt.

đ) Có nhà tắm, nhà vệ sinh và phòng thay đồ.

e) Âm thanh, ánh sáng:

▪ Âm thanh: Bể bơi phải có hệ thống âm thanh đủ công suất đảm bảo mọi khu vực trên mặt bể đều có thể nghe rõ những thông báo cần thiết;

▪ Ánh sáng: Bể bơi hoạt động phải có hệ thống ánh sáng không nhỏ hơn 300Lux ở mọi địa điểm trên mặt bể bơi. Khuyến khích có hệ thống đèn chiếu sáng dưới lòng bể.

g) Tiêu chuẩn về nước:

▪ Đảm bảo thay nước, cọ rửa và khử trùng nước theo quy định, ít nhất 01 lần/tuần nếu bể bơi dùng nước giếng khoan, không có hệ thống lọc tuần hoàn và xử lý bằng hóa chất.

▪ Đối với các bể bơi có hệ thống lọc tuần hoàn thì tối thiểu 01 lần/ngày phải làm vệ sinh thành bể và hút cặn, bơm bù đủ nước.

▪ Nước bể bơi đáp ứng được chỉ tiêu chất lượng nước sinh hoạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt (QCVN02:2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 05/2009/BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các chỉ số cụ thể sau:

Thông số	Các chỉ tiêu cần đạt	Ghi chú
Độ trong	Từ 25 độ Sneller trở lên	Nhìn thấy đáy bể bơi
Độ màu	Không lớn hơn 5 - 6 đơn vị trong thang màu cơ bản	Cho bể ngoài trời
	Không lớn hơn 2 đơn vị trong thang màu cơ bản	Cho bể trong nhà

Thông số	Các chỉ tiêu cần đạt	Ghi chú
Hàm lượng chất rắn đục	Không lớn hơn 2 mg/l	Cho bể ngoài trời
	Không lớn hơn 1 mg/l	Cho bể trong nhà
Độ pH	7,3 - 7,6	
Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	500 mg/l	
Clorua	Không lớn hơn 0,5 mg/l	
Amoniac	Không lớn hơn 0,5 mg/l	

Các chỉ số trên phải được kiểm tra ít nhất 01 lần/ngày, lưu mẫu nước (500 ml) mỗi lần kiểm tra tối thiểu 05 ngày. Tài liệu mỗi lần kiểm tra phải lưu hồ sơ và cung cấp khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

h) Y tế:

- Có phòng y tế, có giường nghỉ cho người bị mệt và cấp cứu, có đủ cơ số thuốc cấp cứu, dụng cụ cấp cứu ngạt nước;
- Đăng ký liên kết cấp cứu với cơ sở y tế gần nhất;
- Tổ chức nhỏ thuốc mắt, mũi, lau khô tai cho những người tham gia tập luyện trước khi rời khỏi bể bơi.

i) Mật độ: 01 người/m² ở khu vực nước nông (độ sâu dưới 1,0 m) hoặc 01 người/2 m² ở khu vực nước sâu (độ sâu từ 1,0 m trở lên).

k) Đảm bảo các quy định về thời gian hoạt động, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ theo quy định.

(2) Về trang thiết bị:

a) Dây phao:

- Dây phao dọc: Được căng dọc theo đường bơi cho các bể bơi có độ sâu từ 1,40 m trở lên dùng cho các đối tượng đã biết bơi;
- Dây phao ngang: Được căng ngang bể bơi để chia khu vực có độ sâu từ 1 m trở xuống cho người chưa biết bơi ngăn với khu vực có độ sâu hơn 1 m đối với bể bơi có độ sâu khác nhau.

b) Trang bị cứu hộ:

- Sào cứu hộ: Mỗi bể bơi phải có ít nhất 06 sào cứu hộ dài 2,50 m, sào cứu hộ

được sơn màu đỏ - trắng, được đặt ở các vị trí thuận lợi trên thành bể để phát hiện dễ khi cần mọi người đều có thể sử dụng;

- Phao cứu sinh: Mỗi bể bơi phải có ít nhất 06 chiếc phao cứu sinh được đặt ở vị trí thuận lợi, dễ nhìn thấy;

- Ghế: Ghế cứu hộ phải có chiều cao ít nhất 1,50 m (tính từ mặt bể), được đặt ở hai bên thành bể để đảm bảo vị trí quan sát thuận lợi cho nhân viên cứu hộ.

c) Bảng biểu:

- Bảng nội quy: Mỗi bể bơi phải có bảng nội quy đặt ở vị trí dễ đọc, dễ xem. Nội dung nội quy phải quy định rõ trách nhiệm của cơ sở thể thao hoạt động bơi, lặn; quyền và nghĩa vụ của người tham gia tập luyện; quy định khuyến cáo những người không nên tham gia bơi, lặn như: người mắc các bệnh truyền nhiễm có khả năng lây truyền qua tiếp xúc với nước bể bơi, người mắc các bệnh có nguy cơ cao dễ gây tai biến ảnh hưởng đến sức khỏe theo chỉ định của bác sĩ, người uống rượu, ăn no, vừa làm việc quá mệt hoặc phơi ngoài nắng lâu; những người không được tham gia bơi, lặn; quy định về trang phục đối với người tập và các nhân viên làm việc tại bể bơi;

- Biển báo: Trong khu vực bể bơi phải có đầy đủ các bảng báo hiệu đặt ở các hướng khác nhau và ở vị trí thuận lợi nhất cho việc quan sát và chỉ dẫn người sử dụng bể bơi;

- Bảng báo hiệu khu vực dành cho người không biết bơi (có độ sâu từ 1m trở xuống) đặt trên thành bể sát khu vực cần khuyến cáo;

- Bảng cấm: Thông báo cấm các hành vi như nhảy chúi cắm đầu ở khu vực bể bơi có độ sâu ít hơn 1,40 m;

- Biển báo khác: Có các bảng thông báo nguy hiểm; độ sâu nguy hiểm, khu vực dành cho những người biết bơi, có độ sâu từ 1,50 m; khu vực hạn chế đi lại, khu vực ưu tiên dành cho người khuyết tật, người già yếu; các bảng đề nghị giữ vệ sinh chung, tắm sạch trước khi xuống bể bơi.

(3). Về cán bộ, nhân viên chuyên môn

a) Doanh nghiệp có hướng dẫn tập luyện hoặc đào tạo vận động viên phải có:

- Huấn luyện viên thể thao có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên hoặc có chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.

▪ Bác sĩ hoặc nhân viên y tế có chứng chỉ về y học thể thao do Viện Khoa học thể dục thể thao hoặc cơ sở có chức năng đào tạo chuyên ngành y học thể thao cấp.

b) Nhân viên cứu hộ:

▪ Điều kiện:

Phải đảm bảo có nhân viên cứu hộ thường trực khi có người tham gia tập luyện; Số lượng nhân viên cứu hộ phải đảm bảo tỷ lệ 200 m² bể bơi/nhân viên hoặc khi có đông người tham gia tập luyện phải đảm bảo tỷ lệ 50 người bơi/nhân viên; Nhân viên cứu hộ phải có chứng nhận chuyên môn cứu hộ do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Hiệp hội thể thao dưới nước Việt Nam cấp.

▪ Yêu cầu đối với nhân viên cứu hộ:

Nhân viên cứu hộ luôn ở tư thế sẵn sàng cứu hộ; Có trách nhiệm thường xuyên nhắc nhở người bơi thực hiện tốt nội quy của bể bơi về đảm bảo an toàn; Chọn vị trí ngồi không bị ngược sáng để quan sát, giám sát chặt chẽ khu vực được phân công; Phát hiện kịp thời mọi hiện tượng có biểu hiện đuối nước, tổ chức cứu hộ kịp thời và thông báo ngay với nhân viên y tế và cơ sở y tế gần nhất.

c) Mỗi hướng dẫn viên chỉ được hướng dẫn tập luyện cho không quá 20 người đối với trẻ em dưới 10 tuổi, không quá 30 người trong một giờ học.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.

+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.

+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.

+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.

+ Thông tư số 02/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động bơi, lặn. Có hiệu lực thi hành từ ngày 24/02/2011.

+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.

8. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động khiêu vũ thể thao

- Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đến Tổ Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1.

❖ Bước 2:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, Tổ tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, làm biên nhận có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp; Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn đề người đến nộp hồ sơ làm lại theo quy định thủ tục.

+ Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

❖ Bước 3: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp (Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia) và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao.

Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

❖ Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận.

❖ Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

+ Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ bảy)

+ Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ sáu)

- **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

- Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;
- Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

- **Thời gian giải quyết:** 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Sở Y tế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối.

- **Phí, lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1). Về cơ sở vật chất:

a) Kích thước:

- Sàn gỗ khiêu vũ có kích thước ít nhất là 08 m x 11 m;
- Khoảng cách từ sàn nhà đến trần ít nhất là 03 m

b) Điều kiện về không gian, âm thanh, ánh sáng:

- Sàn khiêu vũ phải đảm bảo không gian thoáng mát.
- Hệ thống âm thanh loa đài đảm bảo chất lượng, cường độ âm thanh trong khoảng từ 90 dBA đến 120 dBA;

▪ Có hệ thống chiếu sáng độ rọi từ 150 lux trở lên.

c) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất 2 m²/01 người.

d) Đảm bảo các quy định về thời gian hoạt động, an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ theo quy định.

(2). Về trang thiết bị:

a) Phải có phòng tắm, phòng vệ sinh, tủ đựng quần áo, tủ thuốc sơ cấp cứu phục vụ cho người đến tập luyện.

b) Phải bố trí ghế ngồi và gương soi. Số lượng và kích cỡ phù hợp với quy mô, địa điểm tập luyện

c) Có bảng nội quy quy định giờ sinh hoạt tập luyện, không hút thuốc, uống rượu, bia trong khi tập luyện.

(3). Về cán bộ, nhân viên chuyên môn

a) Doanh nghiệp có hướng dẫn tập luyện hoặc đào tạo vận động viên phải có:

▪ Huấn luyện viên thể thao có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên hoặc có chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.

▪ Bác sĩ hoặc nhân viên y tế có chứng chỉ về y học thể thao do Viện Khoa học thể dục thể thao hoặc cơ sở có chức năng đào tạo chuyên ngành y học thể thao cấp.

b) Mỗi nhân viên chuyên môn hướng dẫn tập luyện không quá 35 người trong một giờ học.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.

+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.

+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.

+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của

Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.

+ Thông tư số 03/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động khiêu vũ thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 19/03/2011.

+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.

9. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động môn võ cổ truyền và vovinam

- Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đến Tổ Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1.

❖ Bước 2:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, Tổ tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, làm biên nhận có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp; Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại theo quy định thủ tục.

+ Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

❖ Bước 3: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp (Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia) và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao.

Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

❖ Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận.

❖ Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

+ Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ bảy)

+ Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ sáu)

- **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

- Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;
- Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Sở Y tế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1). Về cơ sở vật chất:

a) Địa điểm tập luyện có thể ở trong nhà hoặc ngoài trời, mặt sàn phải bằng phẳng, không trơn trượt, không biến dạng;

b) Mật độ tập luyện trên sàn đảm bảo ít nhất là 2,5 m²/01 người;

c) Điểm tập luyện phải đảm bảo đủ ánh sáng, thông thoáng;

đ) Âm thanh, tiếng ồn không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh;

d) Có tủ thuốc hoặc túi thuốc và các dụng cụ sơ cứu ban đầu;

g) Có khu vực vệ sinh, để xe;

h) Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện ghi đầy đủ họ tên, năm sinh, nơi ở và lưu đơn xin học của từng võ sinh;

i) Có chương trình, giáo án huấn luyện cụ thể đối với từng môn võ;

k) Có bảng nội quy quy định giờ tập luyện, các quy định bảo đảm an toàn khi tập luyện;

l) Đảm bảo thời gian hoạt động, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ theo quy định.

(2). Về trang thiết bị:

a) Phù hợp với Luật thi đấu của từng môn và các quy định chuyên môn do Liên đoàn Võ thuật cổ truyền Việt Nam hoặc Liên đoàn Vovinam Việt Nam ban hành.

b) Nếu các trang thiết bị, dụng cụ tập luyện thuộc danh mục các loại vũ khí thô sơ, vật liệu nổ và các công cụ hỗ trợ thì phải được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và các công cụ hỗ trợ.

(3). Về cán bộ, nhân viên chuyên môn

a) Doanh nghiệp có hướng dẫn tập luyện hoặc đào tạo vận động viên phải có:

▪ Huấn luyện viên phải có các tiêu chuẩn sau:

➤ Đối với Võ cổ truyền: có giấy chứng nhận đã tham gia khóa tập huấn chuyên môn Võ thuật cổ truyền do Tổng cục Thể dục thể thao hoặc Liên đoàn Võ thuật cổ truyền Việt Nam cấp; có bằng đẳng cấp chuyên môn từ cấp 15 trở lên do Liên đoàn Võ thuật cổ truyền Việt Nam cấp.

➤ Đối với Vovinam: có giấy chứng nhận đã tham gia khóa tập huấn chuyên môn Vovinam do Tổng cục Thể dục thể thao hoặc Liên đoàn Vovinam Việt Nam cấp; có bằng đẳng cấp chuyên môn từ Hoàng đai nhị (đai vàng hai vạch) trở lên do Liên đoàn Vovinam Việt Nam cấp.

▪ Bác sĩ hoặc nhân viên y tế có chứng chỉ về y học thể thao do Viện Khoa học thể dục thể thao hoặc cơ sở có chức năng đào tạo chuyên ngành y học thể thao cấp.

b) Hướng dẫn viên phải có một trong các tiêu chuẩn sau:

➤ Đối với Võ cổ truyền:

▪ Có giấy chứng nhận đã tham gia khóa tập huấn chuyên môn Võ cổ truyền do Tổng cục Thể dục thể thao, Liên đoàn Võ thuật cổ truyền Việt Nam hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp.

▪ Có bằng đẳng cấp chuyên môn từ cấp 13 trở lên do Hội Võ thuật cổ truyền địa phương cấp.

➤ Đối với Vovinam:

▪ Có giấy chứng nhận đã tham gia khóa tập huấn chuyên môn Vovinam do Tổng cục Thể dục thể thao, Liên đoàn Vovinam Việt Nam hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp.

▪ Có bằng đẳng cấp chuyên môn từ Hoàng đai nhất (đai vàng một vạch) trở lên do Liên đoàn Vovinam Việt Nam cấp.

c) Mỗi huấn luyện viên hướng dẫn tập luyện không quá 40 võ sinh trong một giờ học, nếu trên 40 võ sinh đến 60 võ sinh phải có thêm một hướng dẫn viên, trên 60 võ sinh đến 80 võ sinh phải có thêm hai hướng dẫn viên.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.

+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.

+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.

+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.

+ Thông tư số 14/2011/TT-BVHTTDL ngày 09/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động môn Võ cổ truyền và Vovinam. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2011.

+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.

10. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động quần vợt

- Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đến Tổ Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1.

❖ Bước 2:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, Tổ tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, làm biên nhận có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp; Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại theo quy định thủ tục.

+ Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

❖ Bước 3: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp (Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia) và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao.

Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

❖ Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận.

❖ Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

+ Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ bảy)

+ Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ sáu)

- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

- Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;
- Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Sở Y tế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối.

- **Phí, lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1). Về cơ sở vật chất:

a) Mặt sân quần vợt phẳng, không trơn trượt, có độ dốc thoát nước mặt sân và được phủ bằng sơn, cỏ, đất nện hoặc chất tổng hợp đặc biệt. Kích thước sân quần vợt phải bảo đảm theo đúng tiêu chuẩn quốc tế;

b) Bảo đảm ánh sáng đồng đều trên sân với độ rọi từ 300 lux trở lên;

c) Có cơ sở thuốc và dụng cụ sơ cấp cứu, khu vực thay đồ và gửi quần áo, vệ sinh, để xe;

d) Bảng nội quy quy định giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện và các quy định khác.

e) Đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.

(2) Về trang thiết bị:

a) Có lưới chắn bóng bao quanh sân, bảo đảm khoảng cách từ mép biên ngang đến lưới chắn ít nhất là 4 m và từ mép biên dọc đến lưới chắn ít nhất là 3 m.

b) Có ghế trọng tài, dụng cụ đẩy nước.

(3) Về cán bộ, nhân viên chuyên môn

Doanh nghiệp có hướng dẫn tập luyện hoặc đào tạo vận động viên phải có:

+ Huấn luyện viên thể thao có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên hoặc có chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.

+ Bác sĩ hoặc nhân viên y tế có chứng chỉ về y học thể thao do Viện Khoa học thể dục thể thao hoặc cơ sở có chức năng đào tạo chuyên ngành y học thể thao cấp.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.

+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.

+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.

+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.

+ Thông tư số 15/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động quần vợt. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2012.

+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng

quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.

11. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thẩm mỹ

- Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đến Tổ Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1.

❖ Bước 2:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, Tổ tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, làm biên nhận có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp; Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại theo quy định thủ tục.

+ Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

❖ Bước 3: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp (Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia) và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao.

Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

❖ Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận.

❖ Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

+ Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ bảy)

+ Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ sáu)

- **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

- Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;
- Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Sở Y tế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1). Về cơ sở vật chất:

a) Kích thước: Sàn tập có diện tích ít nhất là 60 m²; khoảng cách từ sàn tập đến trần nhà ít nhất là 03 m; sàn tập phải bằng phẳng, có thảm hoặc đệm mềm.

b) Điều kiện về không gian, âm thanh, ánh sáng: đảm bảo không gian thoáng mát, có hệ thống thông gió; có hệ thống loa đài đảm bảo chất lượng; cường độ âm thanh trong quá trình hoạt động không vượt quá 120 dBA; bảo đảm ánh sáng có độ rọi ít nhất 150 lux.

c) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất 2 m²/01 người.

d) Đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.

(2) Về trang thiết bị:

a) Phải có phòng vệ sinh, tủ đựng quần áo, tủ thuốc sơ cấp cứu phục vụ cho người đến tập luyện.

b) Phải bố trí ghế ngồi và gương soi. Số lượng và kích cỡ phù hợp với quy mô, địa điểm tập luyện.

c) Phải có bảng nội quy quy định giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện và các quy định khác.

d) Khuyến khích trang bị các dụng cụ hỗ trợ phục vụ người tập như: máy chạy bộ, tạ, bục, gậy.

(3) Về cán bộ, nhân viên chuyên môn

Doanh nghiệp có hướng dẫn tập luyện hoặc đào tạo vận động viên phải có:

a) Huấn luyện viên thể thao có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên hoặc có chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.

b) Bác sĩ hoặc nhân viên y tế có chứng chỉ về y học thể thao do Viện Khoa học thể dục thể thao hoặc cơ sở có chức năng đào tạo chuyên ngành y học thể thao cấp.

c) Mỗi nhân viên chuyên môn hướng dẫn tập luyện không quá 30 người trong một giờ học.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.

+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.

+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.

+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số

05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.

+ Thông tư số 16/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động thể dục thẩm mỹ. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2012.

+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.

12. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và điều bay động cơ

- Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đến Tổ Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1.

❖ Bước 2:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, Tổ tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, làm biên nhận có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp; Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại theo quy định thủ tục.

+ Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

❖ Bước 3: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp (Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia) và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao.

Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

❖ Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận.

❖ Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

+ Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ bảy)

+ Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ sáu)

- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

- Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;
- Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Sở Y tế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối.

- **Phí, lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1). Về cơ sở vật chất:

a) Khu vực xuất phát, khu vực đỗ, không gian bay của dù lượn và điều bay có động cơ là vùng đất, mặt nước, vùng trời (sau đây gọi chung là khu vực hoạt động bay) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

b) Khu vực hoạt động bay của dù lượn và điều bay có động cơ phải có giấy phép của Cục Tác chiến - Bộ Tổng tham mưu cấp.

c) Bảng chỉ dẫn được đặt trong khu vực xuất phát và khu vực đỗ phải ở những vị trí thích hợp, dễ nhận biết.

d) Bảng chỉ dẫn đối với người tham gia hoạt động thể thao dù lượn và điều bay có động cơ phải thể hiện các nội dung: đảm bảo an toàn; không được uống rượu, bia

và sử dụng các chất kích thích; không được điều khiển các phương tiện bay ra khỏi vùng hoạt động bay cho phép.

đ) Bảng chỉ dẫn đối với người không tham gia hoạt động thể thao dù lượn và điều bay có động cơ khi vào khu vực xuất phát và khu vực đỗ phải thực hiện các quy định về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, tôn trọng và giữ gìn cảnh quan thiên nhiên, môi trường, thực hiện quy định khu vực bay; không có các hành động cản trở hay gây khó khăn đối với hoạt động dù lượn và điều bay có động cơ.

e) Cơ sở thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và điều bay có động cơ phải ghi rõ số điện thoại của người có trách nhiệm quản lý bay, tần số bộ đàm và cách thức liên lạc khi cần thiết trên bảng chỉ dẫn

(2). Về dụng cụ, trang thiết bị:

a) Trang thiết bị tập luyện, thi đấu dù lượn không có động cơ

- Cơ sở thể thao tổ chức tập luyện và thi đấu dù lượn không có động cơ phải được trang bị các thiết bị an toàn cần thiết: dù chính, đai ngồi, dù dự phòng, thiết bị đo độ cao, định vị toàn cầu, bộ đàm, mũ bảo hiểm.

- Hình thức dù lượn không có động cơ phải đảm bảo phù hợp với phong tục tập quán, truyền thống văn hóa dân tộc.

b) Trang thiết bị tập luyện, thi đấu dù lượn có động cơ và điều bay có động cơ

- Cơ sở thể thao tập luyện và thi đấu dù lượn có động cơ và điều bay có động cơ phải có mũ bảo hiểm, hệ thống dây an toàn, dù dự phòng và thiết bị liên lạc.

- Cơ sở thể thao tập luyện và thi đấu dù lượn có động cơ và điều bay có động cơ phải được kiểm tra về chất lượng và an toàn kỹ thuật.

- Hình thức dù lượn có động cơ và điều bay có động cơ phải đảm bảo phù hợp với phong tục tập quán, truyền thống văn hóa dân tộc.

- Cơ sở thể thao tổ chức hoạt động dù lượn có động cơ và điều bay có động cơ phải có hệ thống phòng cháy, chữa cháy, có đủ cơ sở thuốc cấp cứu, dụng cụ cấp cứu.

(3). Về cán bộ, nhân viên chuyên môn

Doanh nghiệp có hướng dẫn tập luyện hoặc đào tạo vận động viên phải có:

a) Đối với tập luyện, thi đấu dù lượn không có động cơ

- Huấn luyện viên, hướng dẫn viên phải có trình độ chuyên môn được Tổng cục Thể dục thể thao hoặc tổ chức xã hội nghề nghiệp về dù lượn cấp quốc gia công nhận.

▪ Huấn luyện viên, hướng dẫn viên phải có giấy chứng nhận đủ sức khỏe còn hiệu lực do cơ quan y tế cấp huyện trở lên chứng nhận trước khi bay tối đa không quá 12 tháng.

b) Đối với tập luyện, thi đấu dù lượn có động cơ và điều bay có động cơ

▪ Huấn luyện viên huấn luyện vận động viên dù lượn có động cơ và điều bay có động cơ phải có trình độ chuyên môn được đào tạo và cấp chứng chỉ của Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng hoặc cơ sở đào tạo của Hiệp hội dù lượn, điều bay trong nước và quốc tế được Tổng cục Thể dục thể thao công nhận.

▪ Huấn luyện viên, vận động viên phải có giấy chứng nhận đủ sức khỏe còn hiệu lực do cơ quan y tế cấp huyện trở lên chứng nhận trước khi tham gia hoạt động bay và phải kiểm tra định kỳ tối thiểu 12 tháng/1 lần.

▪ Vận động viên dù lượn có động cơ và điều bay có động cơ phải được hướng dẫn tập luyện theo các giáo trình và chương trình huấn luyện của các cơ sở đào tạo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(4). Điều kiện về thông tin liên lạc và an toàn cứu nạn

a) Thông tin liên lạc: Cơ sở thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và điều bay có động cơ phải trang bị hệ thống thông tin đảm bảo yêu cầu liên lạc từ bộ phận điều hành đến các vùng hoạt động dù lượn và điều bay có động cơ thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của cơ sở thể thao và các cơ quan quản lý có thẩm quyền.

b) An toàn, tìm kiếm và cứu nạn:

▪ Cơ sở thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và điều bay có động cơ phải có kế hoạch nêu rõ các phương án đảm bảo an toàn, tìm kiếm và cứu nạn trong vùng hoạt động bay thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của cơ sở và phải thường xuyên rà soát, cập nhật kế hoạch này.

▪ Cơ sở thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và điều bay có động cơ phải phổ biến và hướng dẫn cho những người tham gia nắm rõ về cách thức liên lạc và trình tự các bước tìm kiếm, cứu nạn.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.

+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi

tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.

+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.

+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.

+ Thông tư số 19/2011/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và điều bay động cơ. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/01/2012.

+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.

13. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động quyền anh

- Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đến Tổ Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1.

❖ Bước 2:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, Tổ tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, làm biên nhận có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp; Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại theo quy định thủ tục.

+ Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

❖ Bước 3: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp (Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia) và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao.

Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

❖ Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận.

❖ Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

+ Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ bảy)

+ Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ sáu)

- **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

- Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;
- Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Sở Y tế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối.

- **Phí, lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1). Về cơ sở vật chất:

Địa điểm tập luyện quyền anh phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Địa điểm tập quyền anh phải có diện tích từ 60 m² trở lên; mật độ tập luyện tối thiểu 2 m²/người.

b) Mặt sàn phải bằng phẳng, không trơn trượt.

c) Đảm bảo đủ ánh sáng, thông thoáng.

d) Âm thanh, tiếng ồn không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

đ) Có cơ sở thuốc thông thường và các dụng cụ sơ cứu ban đầu.

e) Có khu vực vệ sinh, để xe.

g) Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện ghi đầy đủ họ tên, năm sinh, nơi ở và lưu đơn xin học của từng người.

h) Có bảng nội quy quy định giờ tập luyện, các quy định bảo đảm an toàn khi tập luyện.

i) Đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ theo quy định.

(2). Về trang thiết bị, dụng cụ:

Địa điểm tổ chức tập luyện quyền anh phải có các trang thiết bị, dụng cụ tập luyện sau:

a) Găng tập luyện: 01 đôi/ 01 người.

b) Mũ bảo vệ: 01 chiếc/ 01 người.

c) Bao đấm (bao cát), gối đấm.

d) Người tập phải trang bị bít răng, bảo vệ bộ hạ (kuki), băng đá, dây nhảy, giày tập luyện.

đ) Hướng dẫn viên tập luyện phải có dụng cụ đỡ đòn (lăm pơ).

(3). Về cán bộ, nhân viên chuyên môn

Doanh nghiệp có hướng dẫn tập luyện hoặc đào tạo vận động viên phải có:

▪ Huấn luyện viên thể thao có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên hoặc có chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.

▪ Bác sĩ hoặc nhân viên y tế có chứng chỉ về y học thể thao do Viện Khoa học thể dục thể thao hoặc cơ sở có chức năng đào tạo chuyên ngành y học thể thao cấp.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.

+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.

+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.

+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.

+ Thông tư số 20/2011/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức tập luyện quyền anh. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25/01/2012.

+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.

14. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Taekwondo

- Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đến Tổ Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1.

❖ Bước 2:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, Tổ tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, làm biên nhận có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp; Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại theo quy định thủ tục.

+ Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

❖ Bước 3: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp (Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia) và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao.

Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

❖ Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận.

❖ Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

+ Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ bảy)

+ Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ sáu)

- **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

- Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;
- Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Sở Y tế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối.

- **Phí, lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1). Về cơ sở vật chất:

Địa điểm hoạt động Taekwondo phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Sàn phải có diện tích 60 m² trở lên; mật độ tập luyện tối thiểu 3 m² trên người.

b) Mặt sàn phải bằng phẳng, không trơn trượt.

c) Có đủ ánh sáng, thông thoáng.

d) Âm thanh, tiếng ồn đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

đ) Có cơ sở thuốc thông thường và dụng cụ sơ cứu ban đầu, khu vực vệ sinh, để xe.

e) Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện ghi đầy đủ họ tên, năm sinh, nơi ở và lưu đơn xin học của từng người.

g) Có bảng quy định 4 điều tâm niệm của võ sinh Taekwondo; bảng nội quy, quy định giờ tập luyện và các quy định bảo đảm an toàn khi tập luyện.

h) Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ theo quy định

(2). Về trang thiết bị, dụng cụ:

a) Cơ sở hoạt động Taekwondo có tổ chức đào tạo để tham dự thi đấu các giải thi đấu do Liên đoàn Taekwondo Việt Nam, Tổng cục Thể dục thể thao tổ chức phải đáp ứng các trang thiết bị, dụng cụ tập luyện sau:

TT	Trang bị, dụng cụ	Định mức
1	Võ phục Taekwondo	1 bộ/ người tập
2	Thảm tập luyện 10m x 10m	1 bộ/ người tập
3	Giáp tập luyện	1 chiếc/ người tập
4	Địch đá các loại	1 chiếc/ người tập
5	Bao cát	1 chiếc/ người tập
6	Dây thun, dây nhảy	1 chiếc/ người tập
7	Bảo hộ tay, chân, gối	1 bộ/ người tập
8	Bảo hộ hạ bộ nam (nữ)	1 chiếc/ người tập
9	Mũ bảo hộ	1 chiếc/ 2 người tập
10	Bịt răng	1 chiếc/ người tập
11	Gương soi lớn	1 chiếc/ điểm tập

b) Cơ sở luyện tập Taekwondo nhằm nâng cao sức khỏe cho người tập và không tham gia thi đấu đỉnh cao cần đáp ứng trang thiết bị, dụng cụ tập luyện sau:

TT	Trang thiết bị, dụng cụ	Định mức
1	Võ phục Taekwondo	1 bộ/ người tập
2	Địch đá các loại	1 chiếc/ 4 người tập

(3). Về cán bộ, nhân viên chuyên môn

a) Cơ sở hoạt động Taekwondo có tổ chức đào tạo để tham dự thi đấu các giải thi đấu do Liên đoàn Taekwondo Việt Nam, Tổng cục Thể dục thể thao tổ chức phải đáp ứng các trang thiết bị, dụng cụ tập luyện sau:

b) Có bằng tốt nghiệp đại học thể dục thể thao chuyên ngành Taekwondo.

c) Có chứng nhận chuyên môn huấn luyện viên quốc gia do Liên đoàn Taekwondo Việt Nam cấp hoặc bằng huấn luyện viên quốc tế do Viện Hàn lâm Kukkiwon cấp.

b) Hướng dẫn viên có trình độ chuyên môn Taekwondo bảo đảm tiêu chuẩn quy định tại Điểm 1, Mục I Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban TDTT hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao và có đai đen từ 3 đẳng trở lên do Liên đoàn Taekwondo Việt Nam cấp.

c) Mỗi nhân viên chuyên môn hướng dẫn tập luyện không quá 30 võ sinh trong mỗi buổi tập.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.

+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.

+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.

+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.

+ Thông tư số 21/2011/TT-BVHTTDL ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Taekwondo. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15/02/2012.

+ Quyết định số 5905/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng

quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2012.

15. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng

- Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đến Tổ Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1.

❖ Bước 2:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, Tổ tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, làm biên nhận có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp; Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại theo quy định thủ tục.

+ Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

❖ Bước 3: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp (Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia) và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao.

Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

❖ Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận.

❖ Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

+ Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ bảy)

+ Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ sáu)

- **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

- Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;
- Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Sở Y tế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1). Về cơ sở vật chất:

Địa điểm tập luyện Lân Sư Rồng phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Địa điểm tập luyện Lân Sư Rồng có thể ở trong nhà hoặc ngoài trời, diện tích từ 200 m² trở lên;

b) Mặt sân phải bằng phẳng, không trơn trượt;

c) Đối với địa điểm tập luyện trong nhà chiều cao tối thiểu tính từ mặt sàn đến trần nhà là 5 m. Trường hợp có sử dụng mai hoa thung chiều cao tối thiểu tính từ mặt sàn đến trần nhà là 7 m, hệ thống chiếu sáng đảm bảo độ rọi từ 150 lux trở lên;

d) Âm thanh, tiếng ồn không vượt quá 120 dBA;

đ) Có tủ thuốc hoặc túi thuốc và các dụng cụ sơ cứu ban đầu;

e) Có khu vực vệ sinh, để xe;

g) Có bảng nội quy quy định thời gian tập luyện; bảo đảm an toàn khi tập luyện và các quy định khác;

h) Đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ theo quy định.

(2). Về dụng cụ, trang thiết bị.

Cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng phải bảo đảm các trang thiết bị, dụng cụ sau:

a) Lân, Sư, Rồng và các loại trang phục, đạo cụ kèm theo phù hợp với quy định của Luật thi đấu Lân Sư Rồng hiện hành hoặc theo truyền thống của từng địa phương;

b) Các loại trống, chiêng, thanh la, nạ bạt, mai hoa thung và các dụng cụ, đạo cụ phải đảm bảo an toàn, phù hợp với phong tục tập quán, truyền thống văn hóa dân tộc;

c) Các trang thiết bị, dụng cụ dùng để tập luyện, biểu diễn, thi đấu là vũ khí thô sơ phải được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật.

(3). Về cán bộ, nhân viên chuyên môn.

Cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng phải có người hướng dẫn hoạt động chuyên môn đảm bảo một trong các điều kiện sau:

a) Là huấn luyện viên, hướng dẫn viên am hiểu Luật thi đấu Lân Sư Rồng, có trình độ chuyên môn, kỹ chiến thuật về biểu diễn, thi đấu Lân Sư Rồng;

b) Có giấy chứng nhận đã qua các lớp tập huấn đào tạo về chuyên môn Lân Sư Rồng do Tổng cục Thể dục thể thao, các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao Lân Sư Rồng trong nước, quốc tế hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.

+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.

+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của

Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.

+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.

+ Thông tư số 10/2012/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng. Có hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2013.

+ Quyết định số 844/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 28/02/2013.

16. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Judo

- Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đến Tổ Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1.

❖ Bước 2:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, Tổ tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, làm biên nhận có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp; Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại theo quy định thủ tục.

+ Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

❖ Bước 3: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp (Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia) và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao.

Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

❖ Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận.

❖ Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

+ Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ bảy)

+ Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ sáu)

- **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

- Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;
- Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Sở Y tế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1). Về cơ sở vật chất và trang thiết bị.

Địa điểm tổ chức hoạt động Judo phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Có thảm diện tích từ 64 m² trở lên. Mặt thảm phải bằng phẳng, không trơn trượt, đảm bảo không gây chấn thương cho người tập luyện và thi đấu. Độ dày của thảm ít nhất là 4 cm.

b) Thảm được đặt trên mặt sàn làm bằng bê tông, gỗ hoặc dàn nhôm lò xo.

c) Mật độ tập luyện tối thiểu 3 m²/01 người.

d) Điểm tập có ánh sáng tối thiểu là 200 lux.

e) Âm thanh, tiếng ồn bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Điểm đo âm thanh, tiếng ồn được xác định tại phía ngoài cửa sổ và cửa ra vào của điểm tập.

g) Có đủ cơ sở thuốc và dụng cụ sơ cứu ban đầu, khu vực thay đồ, gửi quần áo, nhà vệ sinh, khu vực để xe.

h) Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện ghi đầy đủ họ tên, năm sinh, giới tính, nơi cư trú và lưu đơn xin học của từng người.

i) Có bảng nội quy quy định giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện và các quy định khác.

k) Có bảng tên đôn chuyên môn Judo và ảnh minh họa.

l) Đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.

m) Võ sinh tập luyện phải có võ phục chuyên môn Judo.

(3). VỀ CÁN BỘ, NHÂN VIÊN CHUYÊN MÔN.

a) Trình độ nhân viên chuyên môn.

- Là huấn luyện viên, hướng dẫn viên thể thao hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp II trở lên;

- Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên;

- Có giấy chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.

- Có giấy chứng nhận được đào tạo chuyên môn do Sở thể dục thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp.

- Có đai đen từ 1 đẳng trở lên do Liên đoàn Judo Quốc tế hoặc Liên đoàn Judo Việt Nam cấp.

Đối với các địa phương ở vùng sâu, vùng xa, nếu chưa có người đủ tiêu chuẩn quy định tại điểm này thì những người làm công tác văn hóa - xã hội, đoàn thanh niên, những hạt nhân phong trào thể dục thể thao... được xét làm cộng tác viên.

b) Mỗi nhân viên chuyên môn hướng dẫn tập luyện không quá 30 võ sinh trong một buổi tập.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.

+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.

+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.

+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.

+ Thông tư số 11/2012/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Judo. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15/01/2013.

+ Quyết định số 844/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 28/02/2013.

17. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng đá

- Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đến Tổ Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1.

❖ Bước 2:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, Tổ tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, làm biên nhận có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp; Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại theo quy định thủ tục.

+ Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

❖ Bước 3: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp (Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia) và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao.

Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

❖ Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận.

❖ Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

+ Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ bảy)

+ Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ sáu)

- **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

- Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;
- Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Sở Y tế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1). Về sân bãi, thiết bị, dụng cụ.

a) Diện tích sân tập luyện đảm bảo mật độ tối thiểu 25 m²/người, nếu có tường tập sút cầu môn thì kích thước tối thiểu của tường có chiều rộng 5 m, chiều cao 2,5 m và phải được làm bằng vật liệu bền chắc. Diện tích sân thi đấu đảm bảo kích thước theo quy định của Luật thi đấu bóng đá.

Sân tập luyện và thi đấu bóng đá phải đảm bảo khoảng cách xung quanh an toàn, không có chướng ngại vật, khoảng cách tối thiểu từ đường biên của sân đến hàng rào hoặc sân liền kề là 2,5 m.

b) Mặt sân bằng phẳng và được làm bằng một trong các chất liệu cỏ tự nhiên, cỏ nhân tạo, đất nện, sàn gỗ, chất dẻo tổng hợp hoặc cát mịn không lẫn đá dăm.

c) Trên sân có đầy đủ các đường kẻ biên ngang, biên dọc, đường tròn trung tâm, khu cấm địa và các điểm đá phạt.

d) Khung cầu môn đảm bảo kích thước theo quy định của Luật thi đấu bóng đá được làm bằng một trong các chất liệu sắt, gỗ hoặc chất dẻo tổng hợp.

e) Sân bóng đá liền kề nhà ở, công trình công cộng, đường giao thông phải có hàng rào cao tối thiểu 3 m bao quanh sân.

g) Tập luyện, thi đấu buổi tối phải đảm bảo ánh sáng tối thiểu 150 lux.

h) Sân phải có nội quy hoạt động với các nội dung cơ bản sau:

- Sử dụng trang phục thể thao khi tập luyện, thi đấu;
- Chấp hành đầy đủ hướng dẫn của Ban quản lý sân;
- Giao tiếp văn minh, lịch sự, không được có hành vi gây gổ, mất đoàn kết;
- Không uống rượu, bia, hút thuốc trong sân;
- Không được mang các vật cứng, sắc, nhọn có thể gây thương tích vào sân;
- Không tụ tập tổ chức đánh bạc và các tệ nạn xã hội khác;
- Thời gian hoạt động.

i) Có tủ thuốc, dụng cụ y tế đáp ứng sơ cứu ban đầu.

k) Có khu vực vệ sinh, thay trang phục và để xe.

l) Đảm bảo vệ sinh môi trường, an ninh trật tự và phòng chống cháy nổ theo quy định.

m) Các hình ảnh, bảng biển quảng cáo sử dụng trên sân phải tuân thủ quy định của pháp luật.

(2). Về cán bộ, nhân viên chuyên môn.

+ Là huấn luyện viên, hướng dẫn viên thể thao hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp II trở lên;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên;

+ Có giấy chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.

+ Có giấy chứng nhận được đào tạo chuyên môn do Sở Thể dục thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp.

Đối với các địa phương ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, hải đảo nếu chưa có người đủ tiêu chuẩn quy định tại điểm này thì những người làm công tác văn hoá- xã hội, đoàn thanh niên, những hạt nhân phong trào thể dục thể thao... được xét làm cộng tác viên.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.

+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.

+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.

+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.

+ Thông tư số 12/2012/TT-BVHTTDL ngày 10 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Bóng đá. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25/01/2013.

+ Quyết định số 844/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 28/02/2013.

18. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng bàn

- Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đến Tổ Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1.

❖ Bước 2:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, Tổ tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, làm biên nhận có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp; Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại theo quy định thủ tục.

+ Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

❖ Bước 3: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp (Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia) và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao.

Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

❖ Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận.

❖ Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

+ Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ bảy)

+ Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ sáu)

- **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

- Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;
- Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Sở Y tế.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối.

- **Phí, lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1). Về cơ sở vật chất và trang thiết bị, dụng cụ luyện tập.

1. Địa điểm hoạt động bóng bàn phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Khu vực đặt bàn phải có mái che, kín gió, không bị chói mắt. Sàn tập bằng phẳng, không trơn trượt;

b) Mỗi bàn bóng được đặt trong khuôn viên có kích thước chiều rộng 5 m, chiều dài 10 m;

c) Bảo đảm ánh sáng đồng đều tới các điểm trên mặt bàn và khu vực bàn bóng từ 500 Lux trở lên, đèn được thiết kế cho mỗi bàn có chiều cao tối thiểu tính từ mặt bàn là 2,5 m trở lên;

d) Có cơ sở thuốc và dụng cụ để sơ, cấp cứu, khu vực thay đồ và gửi quần áo, nhà vệ sinh, khu vực để xe;

đ) Bảng nội quy quy định giờ tập luyện, biện pháp đảm bảo an toàn khi tập luyện và các quy định khác;

e) Đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;

2. Trang thiết bị, dụng cụ tập luyện:

a) Bàn bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định của Liên đoàn Bóng bàn Việt Nam. Mặt bàn phải có một độ nảy đồng đều khoảng 23 cm khi để quả bóng tiêu chuẩn rơi từ độ cao 30 cm xuống mặt bàn;

b) Lưới có chiều cao 15,25 cm, mép trên của lưới phải cao đều 15,25 cm, mép dưới của lưới phải sát với mặt bàn, cạnh bên của lưới phải sát với cọc lưới;

c) Có tấm chắn bóng quanh khuôn viên đặt bàn cao 75 cm, sẫm màu, tránh phản quang và lẫn với màu của quả bóng;

d) Có bàn để bảng lật số.

(2). Về cán bộ, nhân viên chuyên môn.

a) Là huấn luyện viên, hướng dẫn viên thể thao hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp II trở lên;

b) Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên;

c) Có giấy chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.

d) Có giấy chứng nhận được đào tạo chuyên môn do Sở Thể dục thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp.

Đối với các địa phương ở vùng vùng sâu, vùng xa nếu chưa có người đủ tiêu chuẩn quy định tại điểm này thì những người làm công tác văn hóa - xã hội, đoàn thanh niên, những hạt nhân phong trào thể dục thể thao... được xét làm cộng tác viên.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.

+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.

+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.

+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.

+ Thông tư số 13/2012/TT-BVHTTDL ngày 10 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Bóng bàn. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25/01/2013.

+ Quyết định số 844/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 28/02/2013.

19. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Cầu lông

- Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đến Tổ Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1.

❖ Bước 2:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, Tổ tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, làm biên nhận có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp; Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại theo quy định thủ tục.

+ Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

❖ Bước 3: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp (Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia) và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao.

Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

❖ Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận.

❖ Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

+ Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ bảy)

+ Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ sáu)

- **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

- Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;
- Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Sở Y tế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1). Về cơ sở vật chất và trang thiết bị, dụng cụ luyện tập.

1. Địa điểm hoạt động cầu lông phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Sân cầu lông phải được bố trí trong nhà. Mặt sân bằng phẳng, không trơn trượt, được phủ bằng sơn, chất tổng hợp hoặc thảm cao su, có kích thước chiều dài 13,40 m, chiều rộng 6,10 m, đường chéo sân đôi 14,723 m. Nền được làm bằng chất liệu gỗ hoặc bê tông;

b) Bảo đảm ánh sáng đồng đều trên sân với độ rọi từ 500 lux trở lên, không bị chói, loá;

c) Chiều cao tối thiểu tính từ mặt sân đến trần nhà là 8m;

d) Khoảng cách giữa các sân, khoảng cách từ mép biên ngang, mép biên dọc đến tường bao quang tối thiểu là 1 m;

đ) Có cơ sở thuốc và dụng cụ để sơ, cấp cứu, khu vực thay đồ và gửi quần áo, nhà vệ sinh, khu vực để xe;

e) Bảng nội quy quy định giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện và các quy định khác;

g) Đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.

2. Trang thiết bị, dụng cụ tập luyện.

a) Lưới được làm từ sợi dây nylon hoặc chất liệu tổng hợp có màu đậm, mắt lưới có hình vuông, cạnh từ 15 mm đến 20 mm, đỉnh lưới được nẹp màu trắng;

b) Chiều cao cột lưới là 1,55m, được làm bằng sắt hoặc thép, có hình trụ, đủ chắc chắn và đứng thẳng khi lưới được căng lên. Hai cột lưới và các phụ kiện không được đặt vào trong sân;

c) Mỗi sân có tối thiểu 01 thùng đựng cầu và 02 thùng đựng đồ; có ghế trọng tài và dụng cụ lau sân.

(2). Về cán bộ, nhân viên chuyên môn.

a) Là huấn luyện viên, hướng dẫn viên thể thao hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp II trở lên;

b) Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên;

c) Có giấy chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.

d) Có giấy chứng nhận được đào tạo chuyên môn do Sở thể dục thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp.

Đối với các địa phương ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, hải đảo nếu chưa có người đủ tiêu chuẩn quy định tại điểm này thì những người làm công tác văn hóa - xã hội, đoàn thanh niên, những hạt nhân phong trào thể dục thể thao... được xét làm cộng tác viên.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.

+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi

tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.

+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.

+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.

+ Thông tư số 14/2012/TT-BVHTTDL ngày 10 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Cầu lông. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25/01/2013.

+ Quyết định số 844/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 28/02/2013.

20. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Patin

- Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đến Tổ Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1.

❖ Bước 2:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, Tổ tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, làm biên nhận có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp; Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại theo quy định thủ tục.

+ Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

❖ Bước 3: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp (Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia) và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao.

Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

❖ Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận.

❖ Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

+ Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ bảy)

+ Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ sáu)

- **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

- Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;
- Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Sở Y tế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1). Về cơ sở vật chất.

Địa điểm hoạt động Patin phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Sân tập luyện Patin có diện tích từ 300 m² trở lên, mật độ tập luyện tối thiểu 5 m²/người.

b) Mặt sân bằng phẳng, có thể có dốc trượt (sóng) và mô hình chướng ngại vật. Bề mặt sân đối với khu vực bằng phẳng phải nhẵn, không trơn trượt; đối với khu vực có dốc trượt và mô hình chướng ngại vật phải được xử lý đúng kỹ thuật thiết kế chuyên dùng với bề mặt được xử lý nhẵn, không trơn trượt, các góc cạnh phải an toàn không gây nguy hiểm cho người chơi, độ dốc của dốc trượt không quá 30°. Chiều rộng của dốc trượt và mô hình chướng ngại vật tối thiểu 2 m.

c) Âm thanh, tiếng ồn bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

d) Có cơ sở thuốc thông thường, dụng cụ sơ cứu ban đầu và phải đăng ký liên kết với cơ sở y tế gần nhất.

e) Có khu vực vệ sinh, thay đồ và để xe.

f) Có bảng nội quy quy định thời gian tập luyện, không tổ chức đánh bạc dưới mọi hình thức, không hút thuốc, uống rượu, bia trong khi tập luyện và các nội dung khác có liên quan.

g) Đảm bảo thời gian hoạt động, an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.

(2.) Về trang thiết bị luyện tập.

a) Phải bố trí trang thiết bị cho người tập, bao gồm:

- Tắm lót khủy tay, tắm lót đầu gối;
- Mũ đội đầu;
- Giày trượt.

b) Giày trượt sử dụng đảm bảo các thông số sau:

▪ Giày có khóa chắc chắn, đảm bảo ôm chân, không lỏng lẻo, thân giày không bị nghiêng, vẹo quá 45° qua 02 bên sau khi mang vào và cài đầy đủ các khóa;

▪ Bánh xe là loại cao su mềm, có độ đàn hồi tốt, vòng bi dùng loại 02 vòng bi cho một bánh xe với vòng đệm ở giữa, không sử dụng loại một trục;

▪ Khung đỡ và lắp bánh của giày (Frames):

➤ Loại làm bằng hợp kim nhôm (Alu) có độ cứng trên 5000, có độ dày vị trí mỏng nhất trên 1 mm, bảo đảm an toàn;

➤ Loại bằng nhựa có độ dày vị trí mỏng nhất trên 2 mm, bảo đảm an toàn.

c) Số lượng trang thiết bị quy định tại Khoản 1 Điều này phải đạt ít nhất 50% trên tổng số lượng người chơi tối đa (tính theo diện tích sân).

(3.) Về cán bộ, nhân viên chuyên môn.

a) Người hướng dẫn chuyên môn phải bảo đảm các điều kiện sau:

▪ Đã tham dự lớp tập huấn chuyên môn Patin do Tổng Cục Thể dục thể thao, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc tổ chức xã hội nghề nghiệp về Patin cấp quốc gia tổ chức.

▪ Có chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp và phải tái khám định kỳ hàng năm.

b) Mỗi người hướng dẫn chuyên môn hướng dẫn tập luyện không quá 20 người trong một buổi tập.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.

+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.

+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.

+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.

+ Thông tư số 16/2012/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Patin. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/02/2013.

+ Quyết định số 844/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 28/02/2013.

21. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Karatedo

- Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đến Tổ Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1.

❖ Bước 2:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, Tổ tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ, làm biên nhận có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp; Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại theo quy định thủ tục.

+ Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

❖ Bước 3: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp (Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia) và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao.

Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

❖ Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận.

❖ Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

+ Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ bảy)

+ Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ sáu)

- **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

- Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;
- Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Sở Y tế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1). Điều kiện cơ sở vật chất:

a) Có sàn tập diện tích từ 60 m² trở lên; mặt sàn bằng phẳng, không trơn trượt;

b) Mật độ tập luyện từ 3 m² trở lên trên 01 người tập;

c) Điểm tập có ánh sáng tối thiểu là 200 lux;

d) Âm thanh, tiếng ồn bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Điểm đo âm thanh, tiếng ồn được xác định tại phía ngoài cửa sổ và cửa ra vào của điểm tập;

đ) Có đủ cơ sở thuốc và các dụng cụ sơ cứu ban đầu, khu vực thay đồ, gửi đồ, khu vực vệ sinh, để xe;

e) Có bảng nội quy quy định giờ tập luyện, các quy định bảo đảm an toàn khi tập luyện và các quy định khác;

g) Đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;

h) Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện, ghi đầy đủ họ tên, năm sinh, địa chỉ, thời gian theo học và lưu đơn xin học của từng người.

(2). Trang thiết bị, dụng cụ tập luyện, thi đấu phải bảo đảm không gây nguy hiểm, không gây các biến đổi không tốt cho sự phát triển của cơ thể người tập. Mỗi võ sinh tập luyện phải có:

a) Võ phục chuyên môn Karatedo;

b) Găng tay màu xanh, găng tay màu đỏ;

c) Bộ bảo vệ bàn chân, ống quyển màu xanh; bộ bảo vệ bàn chân, ống quyển màu đỏ;

d) Lämpơ.

(3). Điều kiện về cán bộ, nhân viên chuyên môn:

3.1. Cơ sở thể thao tổ chức hoạt động môn Karatedo phải có huấn luyện viên hoặc người hướng dẫn hoạt động chuyên môn Karatedo bảo đảm một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Là huấn luyện viên, hướng dẫn viên Karatedo hoặc vận động viên Karatedo có đăng cấp từ cấp II trở lên;

b) Có bằng cấp chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên;

c) Có Giấy chứng nhận chuyên môn Karatedo từ đai đen 2 đẳng trở lên do Tổng cục Thể dục thể thao hoặc Liên đoàn Karatedo Việt Nam cấp.

3.2. Mỗi nhân viên chuyên môn hướng dẫn tập luyện không quá 30 võ sinh trong một buổi tập.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.

+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.

+ Thông tư số 05/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục, thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của

Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.

+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.

+ Thông tư số 09/2013/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Karatedo. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/02/2014.

22. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bản sủng thể thao:

- Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đến Tổ Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1.

❖ Bước 2:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, Tổ tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ thì làm biên nhận có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại theo quy định thủ tục.

+ Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

❖ Bước 3: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp (Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia) và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao.

Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

❖ Bước 4: Tổ chức nhận kết quả tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận.

❖ Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

+ Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ bảy)

+ Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút (từ thứ hai đến thứ sáu)

- **Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo quy định bao gồm:

- Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;
- Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

- **Thời gian giải quyết:** 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Sở Y tế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

(1) Điều kiện chung về cơ sở vật chất và trang thiết bị, dụng cụ tập luyện

a) Có trường bắn phù hợp theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 của Thông tư số 06/2014/TT-BVHTTDL ngày 04 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Bắn súng thể thao.

b) Âm thanh, tiếng ồn không vượt quá giới hạn cho phép về tiếng ồn theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Điểm đo âm thanh, tiếng ồn được xác định tại phía ngoài cửa sổ hoặc tường bao quanh trường bắn và cửa ra vào của cơ sở thể thao.

c) Súng thể thao phải được đăng ký và cấp giấy phép sử dụng theo quy định của pháp luật.

d) Có đồng hồ treo ở hai đầu tuyến bắn,

- đ) Có phòng y tế, có cơ sở thuốc và dụng cụ đảm bảo hoạt động sơ cứu ban đầu.
- e) Có kho cất giữ súng thể thao đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.
- g) Có khu vực kiểm tra trang thiết bị tập luyện và thi đấu.
- h) Có khu vực thay đồ, gửi quần áo, nhà vệ sinh và khu vực để xe.
- i) Có sổ theo dõi quá trình sử dụng súng, đạn thể thao;
- k) Có sổ theo dõi người tham gia tập luyện ghi đầy đủ họ tên, năm sinh, giới tính, nơi cư trú, thời gian tập luyện, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu súng thể thao đang sử dụng.
- l) Có bảng nội quy, bao gồm những nội dung chủ yếu sau:
- Đối tượng được tham gia tập luyện;
 - Quy định giờ tập luyện;
 - Các quy định bảo đảm an toàn khi tập luyện, thi đấu.
- m) Có bảng hướng dẫn cách sử dụng súng thể thao; bảng trích dẫn quy định của pháp luật về trách nhiệm của vận động viên, huấn luyện viên và các cá nhân có liên quan trong việc sử dụng và bảo quản súng thể thao.
- n) Đảm bảo thời gian hoạt động, an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.
- o) Đảm bảo cho người tham gia tập luyện và thi đấu phải có quần áo, giày, găng tay chuyên dụng theo tiêu chuẩn của Liên đoàn Ban súng thể giới hoặc Liên đoàn Bắn súng Việt Nam.

(2). Điều kiện chuyên môn chung cho trường bắn ngoài trời cự ly 50m và cự ly 25m

- a) Có tường bao quanh trường bắn dày ít nhất 20 cm, chiều cao không thấp hơn mép trên của hàng rào trên không phía trước tuyến bắn để đảm bảo an toàn.
- b) Có tuyến bia và tuyến bắn song song với nhau, nằm trên cùng độ cao, cứng và bằng phẳng.
- c) Có bệ bắn nằm sau tuyến bắn; ngăn cách hai bệ bắn bằng màn che, chất liệu trong suốt.
- d) Hệ thống rào chắn trên không ở phía trước tuyến bắn, được bố trí đảm bảo cho người nằm trên giường bắn hoặc quỳ ở tuyến bắn không nhìn thấy bầu trời.

đ) Lối đi riêng từ tuyến bắn lên tuyến bia phải có mái che và tường chắn an toàn.

e) Khu vực dành cho khán giả ở phía sau tuyến bắn, cách tuyến bắn ít nhất là 5m.

g) Bệ bắn và bia phải được đánh số thứ tự, bắt đầu bằng số 01 từ bên trái, các số phải đủ lớn để có thể nhìn rõ bằng mắt thường khi đứng ở tuyến bắn, số lẻ và số chẵn có màu đối nhau, không phản quang, không bị che khuất bởi bóng râm.

(3) Điều kiện trường bắn ngoài trời cự ly 50 m:

a) Chiều dài trường bắn không nhỏ hơn 60 m (trong đó có ít nhất 45 m ngoài trời) được thiết kế gồm 50 m + 2 m tuyến bia + 5 m tuyến bắn + khu vực khán giả; Chiều rộng trường bắn không nhỏ hơn 15m, đảm bảo chứa được không ít hơn 10 bệ bắn.

b) Có phễu hoặc tấm chắn đạn đặt sát phía sau bia, làm bằng thép.

c) Có máy chạy bia, hoặc tời bia, hoặc cuộn bia dùng để thay bia bắn.

d) Giường bắn có chiều dài 2.2 m, chiều rộng 0.8 m, chiều cao 0.8 m hoặc thảm bắn có chiều dài 200 cm, chiều rộng 80 cm, độ dày không nhỏ hơn 2 mm nhưng không lớn hơn 50 mm.

e) Tâm bia cao 75cm so với mặt bằng bệ bắn.

g) Độ chiếu ánh sáng của các bia đảm bảo bằng hoặc lớn hơn 1500 lux.

h) Bia bắn đạt tiêu chuẩn của Liên đoàn Bắn súng thế giới hoặc Liên đoàn Bắn súng Việt Nam.

i) Bề mặt bệ bắn có chiều dài không nhỏ hơn 2.5m, chiều rộng không nhỏ hơn 1.2m.

(4) Điều kiện trường bắn ngoài trời cự ly 25 m

a) Chiều dài trường bắn không nhỏ hơn 35 m (trong đó có ít nhất 12.5 m ngoài trời) được thiết kế gồm 25 m + 3 m tuyến bia + 5 m tuyến bắn + khu vực khán giả; 50 m + 2 m tuyến bia + 5 m tuyến bắn + khu vực khán giả; chiều rộng trường bắn không nhỏ hơn 15 m, đảm bảo chứa được không ít hơn 2 khung bia.

b) Khung bia đạt tiêu chuẩn của Liên đoàn Bắn súng thế giới hoặc Liên đoàn Bắn súng Việt Nam.

c) Thùng hoặc phễu chắn đạn đặt song song và cách khung bia 1 m về phía sau; sát bề mặt phễu chắn đạn là bảng gắn bia sau.

d) Bàn đặt súng đạn có chiều dài bề mặt 60 cm, chiều rộng bề mặt 50 cm và chiều cao điều chỉnh từ 70 cm đến 100 cm.

đ) Lưới chắn vỏ đạn phía trước người bắn có chiều dài là 1.6m và chiều rộng là 1.2m.

e) Có thiết bị tính thời gian và điều khiển bia đạt tiêu chuẩn của Liên đoàn Bắn súng thế giới hoặc Liên đoàn Bắn súng Việt Nam.

g) Tâm bia cao 1.4 m so với mặt bằng bệ bắn.

h) Có máy chạy bia, hoặc tời bia, hoặc cuộn bia dùng để thay bia bắn.

i) Bia bắn đạt tiêu chuẩn của Liên đoàn Bắn súng thế giới hoặc Liên đoàn Bắn súng Việt Nam.

(5) Điều kiện trường bắn trong nhà 10m dành cho súng trường hơi và súng ngắn hơi:

a) Trường bắn có kích thước mỗi chiều không nhỏ hơn 20m; chiều dài được thiết kế gồm 10 m + 5 m tuyến bắn + khu vực khán giả; chiều rộng đảm bảo chứa được 10 bệ bắn, mỗi bệ bắn rộng 1 m và cách nhau 1 m.

b) Bàn bắn có chiều cao 80 cm, chiều rộng 60 cm, dài suốt tuyến bắn, gắn cố định xuống vạch tuyến bắn.

c) Ánh sáng trong cả nhà từ 300 lux đến 500 lux; trước mặt bia từ 1000 lux đến 1500 lux.

d) Có máy chạy bia, hoặc tời bia, hoặc cuộn bia dùng để thay bia bắn.

đ) Bia bắn đạt tiêu chuẩn của Liên đoàn Bắn súng thế giới hoặc Liên đoàn Bắn súng Việt Nam.

e) Tâm bia ở độ cao 1.4 m so với mặt bằng bệ bắn.

(6) Điều kiện trường bắn trong nhà 10 m bia di động

a) Chiều dài trường bắn không nhỏ hơn 20 m được thiết kế gồm 10 m + 2 m tuyến bia + 5 m tuyến bắn + khu vực khán giả. Chiều rộng trường bắn không nhỏ hơn 10 m, được chia thành 02 khoang riêng biệt, mỗi khoang rộng 3 m đủ chứa 01 khung bia.

b) Bia bắn, khung bia đạt tiêu chuẩn của Liên đoàn Bắn súng thế giới hoặc Liên đoàn Bắn súng Việt Nam.

c) Lối đi từ tuyến bán lên tuyến bia có vách ngăn an toàn dày ít nhất 2 cm, cao ít nhất 2 m.

d) Bàn bán có chiều cao 0.8 m, đặt cách vách bán 10 cm về phía trước

đ) Ánh sáng chung trong trường bán từ 300 lux đến 500 lux; trước mặt bia từ 1000 lux đến 1500 lux.

(7) Điều kiện trường bán đĩa bay

a) Xây dựng hướng bán theo hướng phía bắc hoặc đông - bắc.

b) Trường bán có kích thước mỗi chiều không nhỏ hơn 150 m.

c) Có tường bao quanh trường bán cao 3 m, dày 30 cm.

d) Lưới an toàn cao 3 m đặt ở phía trên tường bao quanh trường bán.

đ) Đối với trường bán Traap: Có hào để đặt máy phóng đĩa và không ít hơn 15 máy phóng đĩa điều khiển bằng điện tử hoặc bằng tay.

e) Đối với trường bán Skeet: Có 02 chòi để đặt máy phóng đĩa; mỗi chòi đặt 01 máy phóng đĩa điều khiển bằng điện tử hoặc bằng tay.

g) Đảm bảo chiều dài từ hào phóng đĩa đến vị trí đứng bán cách nhau không nhỏ hơn 15 m.

h) Khoảng cách từ vị trí đứng bán theo hướng bán đến tường bao quanh không nhỏ hơn 70 m.

i) Vị trí đứng bán có diện tích 1 m², phía sau điểm bán 3m phải có đường di chuyển vị trí cho người bán.

k) Có rào chắn cách ít nhất 7 m ở phía sau đường di chuyển chắn giữa khán giả và khu vực bán.

l) Đĩa bán làm bằng đất có đường kính 10cm.

(8) Điều kiện xây dựng trường bán đạn nhựa:

a) Trường bán có kích thước mỗi chiều không nhỏ hơn 100 m.

b) Tường bao quanh trường bán cao 3 m, dày 30 cm, phía trên có lưới an toàn cao 3 m.

c) Bên trong trường bán đặt ít nhất 03 ụ bán bằng một trong các chất liệu: đất, gỗ, nhựa.

(9) Điều kiện về cán bộ, nhân viên chuyên môn:

9.1. Người đứng đầu cơ sở thể thao hoạt động Bắn súng thể thao phải có trình độ trung cấp thể dục thể thao trở lên hoặc có chứng nhận chuyên môn về bắn súng thể thao do Liên đoàn Bắn súng thế giới hoặc Liên đoàn Bắn súng Việt Nam cấp, có lý lịch rõ ràng và không thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người chưa thành niên; người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự; người nghiện ma túy;

b) Người bị khởi tố hình sự mà các cơ quan tố tụng đang tiến hành điều tra, truy tố, xét xử;

c) Người đang bị Toà án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự, cấm cư trú; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; người đang chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm tài sản của tổ chức trong nước hoặc nước ngoài; tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân, của người nước ngoài; vi phạm trật tự, an toàn xã hội 02 lần trở lên trong 06 tháng nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà không bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định tại Khoản 2 Điều 94 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

d) Người có tiền án mà chưa được xóa án tích về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội đặc biệt nghiêm trọng; người có tiền án mà chưa được xóa án tích về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người và các tội khác có liên quan trực tiếp tới ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; người đã bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn xã hội nhưng chưa đủ thời hạn để được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

9.2. Có huấn luyện viên hoặc người hướng dẫn hoạt động chuyên môn bắn súng bảo đảm một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Là huấn luyện viên, hướng dẫn viên thể thao hoặc vận động viên môn Bắn súng có đẳng cấp từ cấp I trở lên;

b) Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao môn Bắn súng từ bậc trung cấp trở lên;

c) Có chứng nhận chuyên môn về bắn súng thể thao do Liên đoàn Bắn súng thế giới hoặc Liên đoàn Bắn súng Việt Nam cấp.

Mỗi huấn luyện viên, hướng dẫn viên chuyên môn hướng dẫn tập luyện không nhiều hơn 10 người/đợt.

9.3. Người được giao bảo quản kho, nơi cất giữ vũ khí thể thao phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: *(Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BVHTTDL-BCA ngày 18 tháng 10 năm 2013 quy định trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí thể thao trong tập luyện và thi đấu thể thao)*

a) Là công dân Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt;

b) Có đủ sức khỏe phù hợp với công việc được giao, được cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên chứng nhận;

c) Có chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy;

d) Nắm vững nội quy, chế độ quản lý, bảo quản kho, nơi cất giữ vũ khí thể thao.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.

+ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.

+ Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục Thể thao hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2007.

+ Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.

+ Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BVHTTDL-BCA ngày 18 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Công an quy định trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí thể thao trong tập luyện và thi đấu thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 10/12/2013.

+ Thông tư số 06/2014/TT-BVHTTDL ngày 04 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở

thể thao tổ chức hoạt động Bắn súng thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 30/8/2010.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4963/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Luật Đất đai và
các văn bản hướng dẫn thi hành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh đầy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại;

Căn cứ Chỉ thị số 16/2014/CT-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thi hành Luật Đất đai năm 2013 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6175/TNMT-PC ngày 29 tháng 8 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 317/2004/QĐ-UB ngày 24 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Luật Đất đai 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ; Quyết định số 25/2004/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường, thị trấn, Thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố, quận, huyện, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn
thi hành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4963/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Tổ chức triển khai thực hiện Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành thống nhất, đồng bộ và hiệu quả, góp phần giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an sinh xã hội, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và phát triển Thành phố.

- Tuyên truyền, phổ biến Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành đến người sử dụng đất nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin đất đai; nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý, sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên đất đai, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; nâng cao ý thức trách nhiệm, hiệu quả thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành quản lý đất đai; hạn chế các vi phạm pháp luật về đất đai.

- Thực hiện tốt công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản kết hợp ban hành văn bản theo thẩm quyền để kịp thời thực hiện Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và khả thi.

2. Yêu cầu:

- Quán triệt kịp thời, đầy đủ, đúng tinh thần, nội dung, quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố.

- Xác định cụ thể nội dung công việc, thời gian thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong việc triển khai thực hiện Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; kịp thời đôn đốc, hướng dẫn và tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

II. NỘI DUNG CÔNG VIỆC VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai:

a) Tổ chức Hội nghị phổ biến Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành

* **Hội nghị cấp Thành phố:** thành phần gồm: Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố; Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố, Tòa án nhân dân Thành phố; Ủy ban nhân dân quận, huyện, xã, phường, thị trấn; Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng 24 quận, huyện; cán bộ, công chức, viên chức Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Nội dung: phổ biến những điểm mới của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường

- Thời gian thực hiện: năm 2014.

* **Hội nghị cấp huyện:** thành phần gồm: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức đoàn thể cấp huyện, phòng, ban chuyên môn cấp huyện; công chức, viên chức làm công tác tài nguyên và môi trường của cấp huyện; Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, công chức địa chính.

- Nội dung: phổ biến những điểm mới của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Đơn vị chủ trì: Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Thời gian thực hiện: năm 2014.

* **Hội nghị cấp xã:** thành phần gồm: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, Tổ trưởng Tổ dân phố, đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong phạm vi địa bàn cấp xã.

- Nội dung: phổ biến những điểm mới của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Đơn vị chủ trì: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Thời gian thực hiện: năm 2014 và các năm tiếp theo.

*** Hội nghị của các cơ quan, Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố:**

- Nội dung: phổ biến những điểm mới của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành đến cán bộ, công chức, viên chức, hội viên, đoàn viên.

- Đơn vị thực hiện: các cơ quan, Sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể.

- Thời gian thực hiện: năm 2014 và các năm tiếp theo.

b) Phổ biến pháp Luật Đất đai trên các phương tiện thông tin đại chúng:

- Nội dung: phổ biến những điểm mới của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan thông tin đại chúng của Thành phố.

- Thời gian thực hiện: năm 2014 và các năm tiếp theo.

c) Lập danh sách báo cáo viên pháp Luật Đất đai:

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

- Đơn vị phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận, huyện.

- Thời gian thực hiện: năm 2014.

d) Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai trên địa bàn Thành phố:

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

- Đơn vị phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Thời gian: năm 2014 và các năm tiếp theo.

2. Tổ chức Hội nghị tập huấn chuyên sâu theo các chuyên đề cụ thể của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành

- Đơn vị chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận, huyện.

- Thời gian thực hiện: năm 2014 và các năm tiếp theo.

3. Rà soát, biên soạn lại tài liệu, giáo trình phù hợp Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành

- Đơn vị chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường, Trường Cán bộ Thành phố, các Trường Cao đẳng, Đại học, cơ sở đào tạo trực thuộc Thành.

- Thời gian thực hiện: năm 2014 và các năm tiếp theo.

4. Rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp Luật Đất đai theo thẩm quyền

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường (*đối với văn bản do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành*), Phòng Tài nguyên và Môi trường quận, huyện (*đối với văn bản do Ủy ban nhân dân quận, huyện ban hành*).

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp và các Sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- Thời gian thực hiện: năm 2014.

5. Xây dựng văn bản thực hiện Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật do các cơ quan nhà nước ở Trung ương ban hành

- Đơn vị chủ trì: theo danh mục và phân công đính kèm.

- Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện.

- Thời gian thực hiện: năm 2014.

6. Xây dựng Đề án kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn Thành phố (*theo Quyết định số 1892/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao năng lực quản lý nhà nước ngành Quản lý đất đai giai đoạn 2011 - 2020*).

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận, huyện.

- Thời gian thực hiện: trước 31 tháng 12 năm 2015.

7. Xây dựng Đề án thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai và Trung tâm Phát triển quỹ đất (1 cấp)

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân quận, huyện.

- Thời gian thực hiện: trước 31 tháng 12 năm 2015.

8. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về đất đai

- Nội dung: rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế, công bố bộ thủ tục hành chính về đất đai áp dụng thống nhất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đơn vị chủ trì: Ban Quản lý Khu công nghệ cao đối với bộ thủ tục hành chính áp dụng trong Khu công nghệ cao; Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với bộ thủ tục hành chính liên thông để thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất; Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các thủ tục hành chính về đất đai còn lại theo quy định của Luật Đất đai và văn bản hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Cục Thuế Thành phố, các Sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện.

- Thời gian thực hiện: năm 2014 và các năm tiếp theo.

9. Đẩy mạnh tổ chức đăng ký đất đai, thường xuyên cập nhật, theo dõi nắm bắt biến động đất đai; tiếp tục rà soát cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người sử dụng đất trên địa bàn Thành phố theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận, huyện theo thẩm quyền được pháp luật quy định.

- Cơ quan phối hợp: các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: năm 2014 và các năm tiếp theo.

10. Thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Cục Thống kê Thành phố, Công an Thành phố, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, các Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

- Thời gian hoàn thành: trước tháng 9 năm 2015 (*cấp xã trước 01 tháng 6 năm 2015, cấp huyện trước 15 tháng 7 năm 2015 và cấp Thành phố trước 01 tháng 9 năm 2015*)

11. Thực hiện Tổng Điều tra đất đai năm 2015

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Cục Thống kê Thành phố, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.
- Thời gian thực hiện: năm 2015.

12. Xây dựng Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện, quản lý chặt chẽ đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ

- Cơ quan chủ trì: Ủy ban nhân dân quận, huyện
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan khác có liên quan.
- Thời gian thực hiện: định kỳ hàng năm (*kế hoạch sử dụng đất hàng năm của quận, huyện năm 2015 hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2014*).

13. Thực hiện việc rà soát, điều chỉnh, công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương phù hợp với quy định của Luật Đất đai, đảm bảo quy hoạch, kế hoạch của các ngành, lĩnh vực có sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp Luật Đất đai

- Cơ quan thực hiện: Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện.
- Thời gian thực hiện: theo quy định pháp luật.

14. Lập danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai trình Hội đồng nhân dân Thành phố chấp thuận

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện
- Thời gian thực hiện: kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân Thành phố.

15. Xây dựng, điều chỉnh, công bố Bảng giá đất, cơ sở dữ liệu giá đất, bản đồ giá đất, thành lập Hội đồng thẩm định giá đất để thực hiện việc định giá đất cụ thể theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Cục thuế Thành phố, Sở Tư pháp, Sở Nông

nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Viện Nghiên cứu phát triển, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Thời gian thực hiện: năm 2014 và các năm tiếp theo (*Bảng giá đất năm 2015-2020 hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2014*).

16. Rà soát, kiểm tra các dự án sử dụng đất, các đối tượng sử dụng đất, hình thức sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất để xử lý phù hợp với quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành

- Đơn vị chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, cơ quan khác có liên quan.

- Thời gian thực hiện: thường xuyên.

17. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về đất đai; tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 134/CT-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật Đất đai, đảm bảo quản lý, sử dụng đất đai theo đúng quy định pháp luật

- Đơn vị thực hiện: Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, các cơ quan, tổ chức đoàn thể theo thẩm quyền pháp luật quy định.

- Thời gian thực hiện: thường xuyên.

18. Tập trung giải quyết dứt điểm các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo còn tồn đọng, kéo dài từ năm 2013 trở về trước, nhất là các vụ việc khiếu nại về bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư; tăng cường công tác tiếp công dân, hòa giải, đối thoại; thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành đã có hiệu lực.

- Đơn vị thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra Thành phố, Văn phòng Tiếp công dân Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện theo thẩm quyền được pháp luật quy định.

- Thời gian thực hiện: thường xuyên.

19. Xây dựng, quản lý, khai thác, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai, hệ thống thông tin đất đai theo mô hình tập trung, thống nhất, phục vụ đa mục tiêu

- Đơn vị chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân quận, huyện, cơ quan khác có liên quan.

- Thời gian thực hiện: năm 2014 và các năm tiếp theo.

20. Xây dựng, vận hành hệ thống theo dõi và đánh giá đối với quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn Thành phố; công khai về tình trạng vi phạm pháp Luật Đất đai, kết quả xử lý vi phạm pháp Luật Đất đai theo quy định của pháp luật

- Đơn vị chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

- Thời gian thực hiện: năm 2014 và các năm tiếp theo.

21. Các nội dung khác liên quan đến công tác quản lý nhà nước về đất đai: các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành chủ động xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

22. Báo cáo tình hình triển khai thi hành Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành trên địa bàn Thành phố

- Đơn vị chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường

- Đơn vị phối hợp: Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan, đơn vị khác có liên quan.

- Thời gian thực hiện: trước ngày 01/12 hàng năm.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị Ban Tuyên giáo Thành ủy tổ chức chỉ đạo phổ biến pháp luật về đất đai trong tổ chức đảng các cấp, các ngành và nhân dân Thành phố.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức thành viên của Mặt trận (*Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Liên đoàn lao động, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh*) và các tổ chức Đoàn thể khác (*Hiệp Hội bất động sản Thành phố, Hội Luật gia Thành phố,...*), phối hợp, tham gia tích cực vào việc phổ biến, triển khai thi hành pháp Luật Đất đai và thực hiện có hiệu quả quyền giám sát về quản lý và sử dụng đất đai trên địa bàn Thành phố để pháp Luật Đất đai thực sự đi vào cuộc sống, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn Thành phố.

3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng chuyên mục Luật Đất đai năm 2013 trên website của Sở; thành lập Tổ công tác triển khai thực hiện Luật Đất đai thuộc Sở để kịp thời hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp những vướng mắc, khó khăn (nếu có), báo cáo, đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Tài nguyên và Môi trường; căn cứ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan nhà nước ở Trung ương, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức sơ kết, tổng kết, việc triển khai thực hiện Luật Đất đai năm 2013 trên địa bàn Thành phố (Hội nghị Sơ kết 01 năm thực hiện Luật Đất đai năm 2013 trên địa bàn Thành phố được tổ chức chậm nhất trước ngày 31 tháng 12 năm 2015).

4. Giao Sở Tài chính hướng dẫn, bố trí kinh phí đảm bảo các nội dung công việc tại Kế hoạch này từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước. Ngoài ra các cơ quan, đơn vị có thể huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có), bảo đảm nguồn kinh phí được quản lý, sử dụng có hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

5. Giao Sở Tư pháp khẩn trương xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai trên địa bàn Thành phố; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, đề xuất xử lý, tham mưu ban hành các văn bản quy phạm pháp Luật Đất đai thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố; quán triệt các tổ chức hành nghề công chứng nghiêm túc thực hiện quy định về công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Thông báo số 347/TB-VPCP ngày 27 tháng 8 năm 2014 của Văn phòng Chính phủ kết luận của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

6. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát, kiểm tra, báo cáo việc sử dụng đất nông, lâm trường; tham mưu xây dựng chính sách giải quyết việc làm, hướng dẫn giải quyết các chế độ, chính sách cho các đối tượng bị thu hồi đất theo quy định.

7. Giao Sở Xây dựng lập kế hoạch phát triển nhà ở phục vụ tái định cư hàng năm và 05 năm nhằm đảm bảo quỹ nhà phục vụ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố; tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về trình tự, thủ tục mua bán, cho thuê nhà ở phục vụ tái định cư.

8. Giao Sở Thông tin và Truyền thông tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp Luật Đất đai trên các phương tiện thông tin đại chúng của Thành phố bằng nhiều hình thức phong phú, thiết thực và phù hợp với từng đối tượng.

9. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, xã, phường, thị trấn, các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và công việc được giao tập trung chỉ đạo, xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành thuộc phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương và đối tượng quản lý. Định kỳ hàng năm (*trước ngày 01/12*) hoặc trong trường hợp đột xuất gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, theo dõi, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, xã, phường, thị trấn, các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh, kiến nghị về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
BAN HÀNH ĐỂ THỰC HIỆN LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013 VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4963/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2014 của UBND Thành phố)

TT	Nội dung văn bản	Hình thức văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Ghi chú: (cơ sở pháp lý)
1	Ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn TPHCM (áp dụng 5 năm 1 lần kể từ ngày 01/01/2015)	Quyết định	Sở TNMT	Sở Tài chính, STP, SXD, Sở KH-ĐT, UBND Q-H	IV/2014	K1Đ114/LĐĐ K5Đ12, K3Đ21 NĐ 44, K1Đ30/NĐ46 (Thay QĐ60/2013)
2	Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn TP.HCM (bao gồm quy định về suất tái định cư tối thiểu)	Quyết định	Sở TNMT	Sở - ngành UBND Q-H	IV/2014	Điểm b K2 Đ90, Đ91/Luật ĐĐ K4Đ9, K1Đ14, K2Đ15, K2Đ16, Đ18, K7Đ19, K3Đ21, Đ23, 24, 25, K3Đ27/NĐ47, (Thay QĐ 35/2010)
3	Ban hành quy định về hạn mức giao đất ở, công nhận quyền sử dụng đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; hạn mức giao đất có mặt nước; mức đất nghĩa trang, nghĩa địa	Quyết định	Sở TNMT	Sở - ngành, UBND Q-H	IV/2014	K4Đ 103, K2Đ143, K4Đ144, K2Đ162LĐĐ (thay QĐ 70/2014)

4	Ban hành quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở	Quyết định	Sở TNMT	Sở - ngành, UBND Q-H	IV/2014	K2Đ143, K4Đ144/LĐĐ (thay QĐ 19/2009)
5	Ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Quyết định	Sở TNMT	Sở - ngành, UBND Q-H	IV/2014	Đ16/QĐ216-TTg CV số 5637/UBND-ĐTMT 22/10/2013 (Thay QĐ 124/2010)
6	Quy trình giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn thành phố (quy định chi tiết thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành)	Quyết định	Sở TNMT	Sở - ngành, UBND Q-H	IV/2014	K4Đ89, K2Đ91NĐ43
7	Ban hành quy định thay thế Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 quy định về thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn TP.HCM	Quyết định	Sở TNMT	Sở - ngành, UBND Q-H	IV/2014	Thay QĐ19/2008
8	Ban hành quy định thay thế Quyết định số 35/2009/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 quy định về trình tự, thủ tục công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tổ chức đang sử dụng đất trên địa bàn TP.HCM	Quyết định	Sở TNMT	Sở - ngành, UBND Q-H	IV/2014	Thay QĐ35/2008
9	Ban hành Quy chế liên thông thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Quyết định	Sở TNMT	Sở - ngành, UBND Q-H	IV/2014	K2Đ62NĐ43
10	Ban hành đơn giá dự toán lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp trên địa bàn TP.HCM	Quyết định	Sở TNMT	Sở - ngành, UBND Q-H	IV/2014	Phù hợp với NĐ 66/2013 lương cơ sở 1.150.000đ (Thay QĐ 44/2011)

11	Ban hành mức thu lệ phí địa chính, phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất, phí khai thác sử dụng tài liệu đất đai <i>(thay thế các Quyết định đã được UBND Thành phố ban hành số 63/2008/QĐ-UBND, 39/2008/QĐ-UBND, 98/2009/QĐ-UBND, 85/2010/QĐ-UBND và số 81/2011/QĐ-UBND và phù hợp quy định tại Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).</i>	Quyết định	Sở TNMT	Sở - ngành, UBND Q-H	IV/2014	CV 2299/UBND-TM ngày 23/5/2014 của UBTP giao Sở TNMT
12	Ban hành hệ số điều chỉnh giá đất	Quyết định	Sở Tài chính	Sở - ngành, UBND Q-H	IV/2014	Điểm c K5 Đ4, K1 Đ30NĐ46, K2Đ3, K1 Đ18TT76 (QĐ 18/2013)
13	Ban hành đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Quyết định	Sở Tài chính	Sở - ngành, UBND Q-H	IV/2014	K1Đ6, K2Đ14, K1Đ30/NĐ46 (Thay QĐ 14/2012)
14	Ban hành quy định về quy trình thanh tra quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Quyết định	Thanh tra Thành phố	Sở - ngành, UBND Q-H	IV/2014	Luật Thanh tra 2010, Đ2 Luật BHVB2004 (Thay thế QĐ76/2010)
15	Ban hành Quy định cụ thể trình tự, thủ tục mua, bán, cho thuê nhà ở tái định cư	Quyết định	Sở Xây dựng	Sở - ngành, UBND Q-H	IV/2014	K4 Điều 22 NĐ 84/2013 về nhà ở tái định cư (Điều 13 Thông tư số 07/2014/TT-BXD)
16	Chế độ quản lý việc xây dựng phần mộ, tượng đài, bia tưởng niệm trong nghĩa trang, nghĩa địa	Quyết định	Sở Xây dựng	Sở - ngành, UBND Q-H	IV/2014	K2Đ162LĐĐ
Tổng cộng: 16 văn bản						

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4964/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch truyền thông cải cách hành chính và
kiểm soát thủ tục hành chính năm 2014 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính;

Căn cứ Quyết định số 79/2011/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2014 trên địa bàn Thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 23/TTr-STTTT ngày 11 tháng 9 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch truyền thông công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2014 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Truyền thông cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính
năm 2014 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4964/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

a) Tăng cường tuyên truyền việc kiểm soát chất lượng những quy định về thủ tục hành chính trong các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân thành phố; Thực hiện tốt công tác công bố, công khai thủ tục hành chính theo đúng quy định làm cơ sở cho việc tổ chức thực hiện thủ tục hành chính và phòng ngừa, hạn chế tham nhũng, tiêu cực.

b) Phát hiện các quy định, thủ tục hành chính không cần thiết, không phù hợp, không đáp ứng được các nguyên tắc về quy định và thực hiện thủ tục hành chính, gây cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức kinh tế và đời sống của nhân dân; cắt giảm chi phí về thời gian và tài chính trong việc tuân thủ thủ tục hành chính của người dân, tổ chức và doanh nghiệp.

c) Tuyên truyền về mục tiêu đơn giản hóa, đảm bảo tính thống nhất đồng bộ của quy định, thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính; góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, giải phóng mọi nguồn lực của xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh.

d) Tiếp tục nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân về ý nghĩa, mục tiêu, nội dung, giải pháp tổ chức thực hiện cải cách hành chính; nhiệm vụ của các cấp, các sở ngành trong việc thực hiện cải cách hành chính Nhà nước...

đ) Thực hiện có hiệu quả Chương trình cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; bộ máy quản lý nhà nước tinh gọn; đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển thành phố và hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Yêu cầu:

a) Tuyên truyền rộng rãi kết quả thực hiện rà soát thủ tục hành chính là phương án sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định về thủ tục hành chính; cắt giảm những thủ tục hành chính không cần thiết, không phù hợp nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; Huy động sự đóng góp trí tuệ của lực lượng cán bộ, công chức tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn thành phố trực tiếp tham gia giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp.

b) Tuyên truyền việc áp dụng nguyên tắc công khai, minh bạch để tiếp thu ý kiến của người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện và rà soát quy định, thủ tục hành chính; Kết hợp công tác tuyên truyền với việc thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước; lồng ghép phổ biến tuyên truyền về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

c) Đáp ứng kịp thời việc nắm bắt, tìm hiểu thông tin của cán bộ, công chức, viên chức và mọi tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp về công tác cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính.

d) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn tiếp tục quán triệt và xác định cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, là trách nhiệm chính trị trong xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, phục vụ, vì dân.

II. NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN

1. Các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp và của thành phố về công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền các quy định mới có liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính như:

- Nghị quyết số 43/NQ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về một số nhiệm vụ trọng tâm cải cách thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất để cải thiện môi trường kinh doanh;

- Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính;

- Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hộ tịch, bảo hiểm y tế và đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại Thành phố Hồ Chí Minh;

3. Trách nhiệm của cán bộ, công chức được phân công thực hiện thủ tục hành chính; Quyền và nghĩa vụ của đối tượng thực hiện thủ tục hành chính. Đảm bảo cho người dân kịp thời nắm được các quy định về thủ tục hành chính mới ban hành, các thủ tục đã được chỉnh sửa, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đã bị hủy bỏ các quy định, thủ tục hành chính không cần thiết.

4. Công khai, minh bạch thủ tục hành chính; việc tiếp nhận, giải quyết phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các đơn vị; nhất là các quy trình giải quyết liên thông.

5. Thông tin rộng rãi đến cộng đồng người dân và doanh nghiệp về hoạt động và kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính của các cấp, các ngành, trọng tâm tuyên truyền vào việc giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước cho cá nhân, tổ chức trong đó tập trung vào một số lĩnh vực chủ yếu, nhạy cảm như: đầu tư, xây dựng, đất đai, đăng ký kinh doanh...

6. Biểu dương những tập thể, cá nhân thực hiện tốt, có thái độ tích cực trong công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính; phê phán những hiện tượng tiêu cực, có thái độ cửa quyền, hách dịch, gây khó khăn, phiền hà cho công dân, tổ chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

III. CÁC HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN

1. Cung cấp thông tin tại cuộc họp giao ban hàng tuần với lãnh đạo cơ quan báo chí Thành phố;

2. Xây dựng các chuyên mục thực hiện công tác tuyên truyền về kiểm soát thủ tục hành chính trên các báo điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp, cổng thông tin điện tử Thành phố và các trang thông tin điện tử thành viên (các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện).

3. Các cơ quan, báo đài có các chuyên trang, chuyên mục, các kịch bản truyền thanh, tác phẩm truyền hình với nhiều hình thức phong phú, đa dạng để tuyên truyền về công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

4. Cải tiến và đẩy mạnh việc đăng tải, cập nhật thủ tục hành chính trên trang thông tin điện tử của Thành phố và Sở, ban, ngành, quận, huyện (cải tiến về hình thức xây dựng các công cụ tiện ích hỗ trợ việc tra cứu, tìm kiếm, thống kê thông tin về thủ tục hành chính, đảm bảo sự nhanh chóng và chính xác; rà soát về nội dung đảm bảo cập nhật chính xác, kịp thời các thủ tục hành chính được công bố).

IV. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Xây dựng và ban hành kế hoạch truyền thông:

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Cơ quan phối hợp: Sở, ban, ngành, UBND quận - huyện, các cơ quan báo chí.
- Thời gian thực hiện: tháng 5/2014.

2. Tuyên truyền về công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên các cơ quan báo chí:

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Cơ quan phối hợp: các cơ quan báo chí, Sở Tư pháp.
- Thời gian thực hiện: thường xuyên

3. Tiến hành giao ban định kỳ, nhắc nhở cơ quan báo đài đẩy mạnh công tác tuyên truyền:

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Cơ quan phối hợp: các cơ quan báo chí
- Thời gian thực hiện: thường xuyên

4. Phối hợp với các đơn vị Sở ban ngành, quận - huyện tuyên truyền và phổ biến hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính:

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Cơ quan phối hợp: các Sở ban ngành, UBND quận - huyện, Sở Tư pháp.
- Thời gian thực hiện: thường xuyên.

5. Cập nhật tin bài có liên quan tới hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và cải cách thủ tục hành chính trên trang web của thành phố và trang thông tin điện tử tổng hợp của Sở, ban, ngành; UBND quận - huyện:

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Cơ quan phối hợp: Cityweb, Sở Tư pháp, UBND quận - huyện.
- Thời gian thực hiện: thường xuyên

6. Xây dựng và sản xuất các chuyên trang, chuyên mục, video, phóng sự, bài phát thanh tuyên truyền về công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố:

- Cơ quan chủ trì: Đài truyền hình Thành phố, Đài tiếng nói nhân dân Thành phố.
- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp.
- Thời gian thực hiện: thường xuyên

V. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân Thành phố kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn cơ quan báo chí thực hiện truyền thông công tác cải cách thủ tục hành chính gắn liền với truyền thông công tác kiểm soát thủ tục hành chính; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - phường, thị trấn và các đơn vị có liên quan chủ động thực hiện Kế hoạch này đồng thời xây dựng Kế hoạch truyền thông tại cơ quan, đơn vị; báo cáo kết quả thực hiện cho Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm cân đối, bố trí kinh phí phục vụ truyền thông công tác kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5070/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập
suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020”
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020”;

Căn cứ Quyết định số 281/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020”;

Căn cứ Quyết định số 5506/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020;

Xét đề nghị của Hội Khuyến học Thành phố tại Tờ trình số 50/TTr-HKH ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Hội Khuyến học về phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020” trên địa bàn Thành phố và ý kiến của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 3578/GDĐT-GDĐT ngày 09 tháng 10 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Hội Khuyến học Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án

“Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5057/QĐ-UBND

ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

Thực hiện Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020”;

Thực hiện Quyết định số 281/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020”;

Thực hiện Quyết định số 5506/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020”;

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, với những nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Xây dựng gia đình, dòng họ, cộng đồng thành môi trường nuôi dưỡng, khuyến khích nhu cầu, thói quen học tập suốt đời, động viên, khuyến khích tạo điều kiện cho mọi người trong gia đình, dòng họ và cộng đồng được học tập thường xuyên, học tập suốt đời thông qua xây dựng các mô hình học tập.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Trên cơ sở kết quả đạt được của phong trào xây dựng gia đình hiếu học, dòng

học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng để xây dựng thí điểm các mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và mô hình học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ và cộng đồng để triển khai và nhân rộng trên toàn Thành phố từ năm 2016.

b) Phân đầu đến 2020:

- 100% cán bộ, hội viên của Hội Khuyến học Thành phố được tập huấn nâng cao nhận thức về xã hội học tập và các mô hình học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ và cộng đồng.

- 100% cán bộ, hội viên của Hội Khuyến học Thành phố tham gia vào các hoạt động học tập suốt đời tại địa phương

- 70% gia đình được công nhận Danh hiệu “Gia đình học tập”; 50% dòng họ được công nhận Danh hiệu “Dòng họ học tập”; 60% cộng đồng (ấp, tổ dân phố và tương đương) đạt danh hiệu cộng đồng học tập.

- 80% cơ quan, trường học được công nhận Danh hiệu “Đơn vị học tập”.

- 60% cộng đồng (xã, phường, thị trấn) được công nhận danh hiệu “Cộng đồng học tập”.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao; các Sở, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện tập trung chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ, công tác sau:

1. Xây dựng thí điểm và nhân rộng các mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và “Đơn vị học tập”:

a) Tổ chức nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và “Đơn vị học tập” tại Quận 6, Quận 10, quận Bình Tân, quận Gò Vấp và huyện Bình Chánh để đề xuất các mô hình học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng.

b) Tổ chức hội thảo để lấy ý kiến của các địa phương, các sở - ngành, đoàn thể, các chuyên gia và các nhà khoa học về các mô hình học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng.

c) Triển khai tài liệu hướng dẫn các địa phương tuyên truyền và phát triển các mô hình học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ và cộng đồng.

2. Xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá công nhận “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và “Đơn vị học tập”:

a) Xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá công nhận “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập” trên cơ sở Bộ tiêu chí “Gia đình hiếu học”, “Dòng họ hiếu học” đã được vận dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Bộ tiêu chí của Trung ương Hội Khuyến học.

b) Biên soạn và in ấn tài liệu hướng dẫn đánh giá, công nhận các Danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và “Đơn vị học tập”.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về xã hội học tập, về mô hình học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ và cộng đồng:

a) Tiếp tục quán triệt Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị, từ đó tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức cũng như hoạt động để thực hiện tốt Chỉ thị ở tất cả các cấp ủy Đảng cơ sở.

b) Nâng cao chất lượng tờ thông tin khuyến học của Hội Khuyến học Thành phố, tăng cường bài viết về xã hội học tập, về mô hình học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ và cộng đồng.

c) Tổ chức hội thi “Cán bộ hội giỏi” với sự tham gia của 80% cán bộ Hội cơ sở (tháng 5 năm 2014). Tập trung hướng dẫn việc chỉ đạo Hội nghị “Tuyên dương khu phố làm tốt công tác Khuyến học” ở các cấp Hội.

d) Phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng của Thành phố để tuyên truyền về hoạt động khuyến học ở những giai đoạn hoạt động trọng tâm của Hội Khuyến học Thành phố.

đ) Tổ chức hội thảo về cơ chế, phương hướng, nội dung, biện pháp tăng cường các hoạt động phối hợp liên kết giữa Hội Khuyến học Thành phố với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp,... trong việc tuyên truyền đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ và cộng đồng.

4. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc củng cố và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng và hoạt động tổ chức Hội khuyến học các trường học:

a) Khảo sát thực trạng cán bộ Hội khuyến học các cấp tham gia hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng.

b) Hội thảo về nâng cao năng lực quản lý và chất lượng hoạt động của các Trung tâm học tập cộng đồng; tập huấn cho cán bộ Hội về nội dung và phương pháp tham gia hoạt động tại Trung tâm học tập cộng đồng.

c) Duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động trung tâm học tập cộng đồng, góp phần đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng.

d) Xây dựng các trường học đạt chuẩn “Đơn vị học tập”.

đ) Tập huấn và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý Trung tâm học tập cộng đồng; đánh giá xếp hạng thi đua các trung tâm học tập cộng đồng.

5. Phát động phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ và cộng đồng:

a) Tổ chức hội nghị quán triệt Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020” và Quyết định số 5506/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020” và tiêu chí đánh giá Danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và “Đơn vị học tập” cho các cấp Hội Khuyến học.

b) Tổ chức Đại hội biểu dương các “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và “Đơn vị học tập” tiêu biểu trên địa bàn Thành phố.

c) Tổ chức các hội nghị triển khai nhân rộng các mô hình học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng trên toàn Thành phố.

d) Giám sát, kiểm tra việc nhân rộng các mô hình học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng ở các quận, huyện và tổ chức các hội nghị sơ kết việc triển khai nhân rộng các mô hình học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng.

6. Tổ chức đánh giá công nhận “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và “Đơn vị học tập”:

a) Tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ Hội các cấp về đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020”.

b) Triển khai tài liệu hướng dẫn sử dụng Bộ tiêu chí đánh giá công nhận “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và “Đơn vị học tập” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (2014).

c) Tập huấn cho cán bộ Hội về sử dụng Bộ tiêu chí đánh giá công nhận “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và “Đơn vị học tập”.

d) Tổ chức kiểm tra đánh giá công nhận “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và “Đơn vị học tập”.

III. KINH PHÍ VÀ CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

1. Kinh phí:

a) Kinh phí để triển khai các hoạt động của Kế hoạch từ năm 2014 - 2020 là 592.150.000 đồng để chi cho các hoạt động sau:

- Tổng kết, xây dựng mô hình, khen thưởng, hội thảo: 399.900.000 đồng.

- Hội nghị triển khai thí điểm tại 5 quận, huyện: 101.250.000 đồng.

- Tuyên truyền: 18.000.000 đồng.

- Khảo sát, kiểm tra thí điểm và phát triển mô hình học tập suốt đời: 73.000.000 đồng.

2. Cơ chế tài chính:

a) Kinh phí thực hiện kế hoạch từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước gồm: Ngân sách Thành phố, quận - huyện, xã - phường, thị trấn được cấp cho Hội và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

b) Căn cứ nhiệm vụ hàng năm Hội khuyến học các cấp lập dự toán gửi cơ quan tài chính cùng cấp để bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

c) Các địa phương có trách nhiệm cân đối ngân sách dành kinh phí hỗ trợ việc xây dựng và thí điểm các mô hình học tập suốt đời, tổ chức tập huấn, tuyên truyền, nhân rộng, giám sát, đánh giá, khen thưởng các cá nhân, gia đình, dòng họ, cộng đồng, các tổ chức có thành tích hoặc đóng góp tích cực đối với phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng và tổ chức đánh giá công nhận các Danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và “Đơn vị học tập” tại địa phương, đơn vị mình.

3. Phân kỳ kinh phí:

Kinh phí thực hiện được phân chia thành 4 giai đoạn, cụ thể như sau:

- Năm 2014 : 187.050.000 đồng.

- Năm 2015 : 123.700.000 đồng.

- Năm 2016 : 63.4000.000 đồng.

- Năm 2017 - 2020 : 218.000.000 đồng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Phối hợp với Hội khuyến học Thành phố xây dựng Bộ chỉ số đánh giá công nhận Danh hiệu “gia đình học tập”, dòng họ là “dòng họ học tập”, khu phố, ấp là “cộng đồng học tập” và cơ quan, trường học đạt danh hiệu “đơn vị học tập”.

- Phối hợp với Hội khuyến học Thành phố tổ chức thi điểm và nhân rộng mô hình học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng và đơn vị.

- Chủ trì phối hợp với Hội khuyến học Thành phố củng cố nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng tại các địa phương.

2. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Phối hợp chặt chẽ với Hội khuyến học Thành phố trong việc tuyên truyền về phong trào và các mô hình học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng và đơn vị.

- Chỉ đạo cơ sở thực hiện công tác tuyên truyền về các mô hình học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng và đơn vị.

3. Sở Văn hóa, Thể thao:

Phối hợp với Hội khuyến học Thành phố trong việc đánh giá, công nhận Danh hiệu “gia đình học tập”, “dòng họ học tập”, “cộng đồng học tập” và “đơn vị học tập” kết hợp với việc đánh giá công nhận danh hiệu “gia đình văn hóa”, “ấp văn hóa”, “khu phố văn hóa”, “đơn vị văn hóa”.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Đưa các chương trình dạy nghề ngắn hạn dạy nghề cho lao động nông thôn (theo Quyết định số 1956/QĐ.TTg ngày 17 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ) vào các trung tâm học tập cộng đồng xã, phường.

5. Sở Tài chính:

Thẩm định và đề xuất phân bổ nguồn kinh phí hàng năm để thực hiện đề án theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. Hướng dẫn, quản lý, kiểm tra chặt chẽ kinh phí thực hiện kế hoạch.

6. Hội Khuyến học Thành phố:

- Xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai kế hoạch này đến cơ sở.
- Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành chức năng liên quan, các địa phương, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp và các tổ chức xã hội có liên quan triển khai thực hiện kế hoạch này trên địa bàn Thành phố.
- Hướng dẫn Hội khuyến học các quận, huyện và cơ sở xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện ở địa phương.
- Tổ chức tập huấn hội thảo góp ý xây dựng Bộ tiêu chí công nhận gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập và đơn vị học tập.
- Kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện kế hoạch của các địa phương theo định kỳ báo cáo Thành ủy, Hội đồng nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố.

7. Ủy ban nhân dân quận, huyện:

- Bố trí ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch này tại địa phương.
- Chỉ đạo các ban, ngành phối hợp với các đoàn thể, Hội khuyến học cùng cấp trong việc triển khai thực hiện kế hoạch.
- Chỉ đạo mạng lưới thông tin tuyên truyền về xây dựng xã hội học tập, trong đó có tuyên truyền về mô hình học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng và đơn vị.
- Chủ trì phối hợp với Hội khuyến học, các đoàn thể địa phương tổ chức kiểm tra công nhận danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và “Đơn vị học tập” ở địa phương mình.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các Đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp: phối hợp với Hội khuyến học Thành phố tuyên truyền, vận động trong hệ thống việc xây dựng gia đình, dòng họ, cộng đồng đạt danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và “Đơn vị học tập”, tạo điều kiện cho hội viên trong tổ chức được thường xuyên học suốt đời góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kế hoạch.

Trên đây là kế hoạch thực hiện đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ và cộng đồng đến năm 2020” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Yêu cầu các sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, các thành viên Ban

chỉ đạo xây dựng xã hội học tập Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện. Hàng năm sơ tổng kết và gửi báo cáo kết quả về Hội khuyến học Thành phố để tổng hợp báo cáo Thành ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng